

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huyện Chiêu Đăng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

HS  
P57

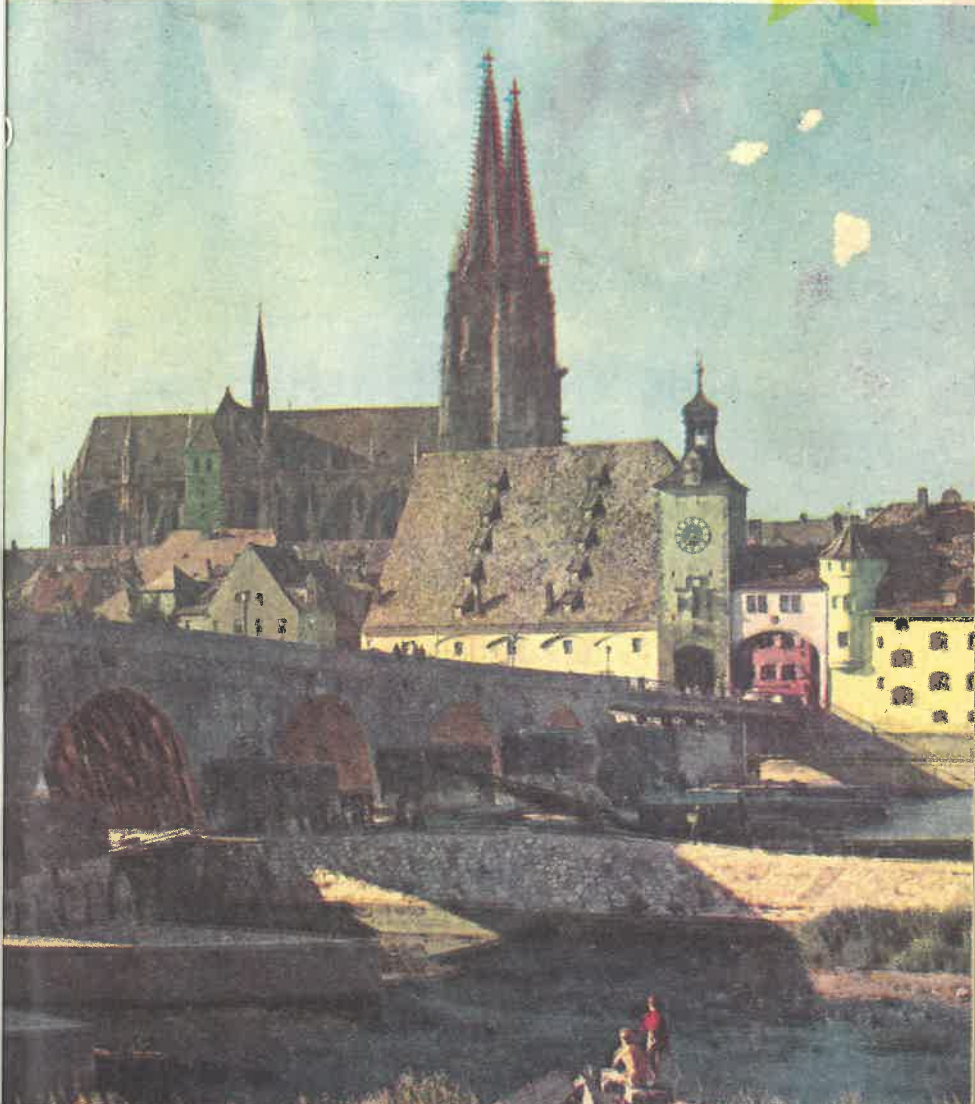
# PHỔ THÔNG

Tạp-chí Văn-Hóa

Giám-đọc : **NGUYỄN - VỸ**

V.9

194



Đã có bán

# BẦY GÁI

(*Les dés pipés*)

QUYỀN THỨ II CỦA LOẠI  
SÁCH TRUYỆN HAY QUỐC-TẾ

● GỒM 2 TRUYỆN CỦA

**Mac Orlan** Hàn-Lâm-Viện Goncourt,  
Pháp :

**Bầy gái** (*les dés pipés*)

do TRINH-VĂN-TIẾN dịch

và

**Trớ trêu** (*Mal ce*)

do DIỆU-HUYỀN dịch

Giá 30\$

Nhà Xuất-Bản Phổ-Thông tạp-chí

Xin liên-lạc với Quản-lý :

Bà NGUYỄN-THỊ-ĐƯỢC

231 Phạm-Ngũ-Lão Saigon.

# PHỒ THÔNG

TẠP-CHÍ

GOP PHẬN XÂY DỰNG VĂN-HÓA VIỆT-NAM  
PHỒ BIÊN VĂN-HÓA ĐÔNG-TÂY KIM CÔ

Giám-đốc, Chủ-bút : Nguyễn-Vũ

Tòa-soạn : 231, đường Phạm-Ngũ-Lão, Saigon — Đ.T. 25.861



NĂM THỨ IX số 194 \* 1-7-1967

1.— Thế nào là một Hàn-Lâm-Viên ?	Nguyễn-Vỹ	6 — 10
2.— Tôi sống trở lại Việt-Nam	Phạm-v-Sơn	11 — 20
3.— Những nhạc khí miền Cao-nguyên	Tôn-thất-Phong	21 — 26
4.— Vết thương trong... (truyện)	Trần-viễn-Phương	27 — 32
5.— Mộng du (thơ)	Tống-minh-Phụng	33
6.— Tuấn, chàng trai nước Việt	Nguyễn-Vỹ	34 — 39
7.— Minh ơi ! Chiến tranh Ai - Do	Diệu-Huyền	40 — 52
8.— Triền miên (thơ)	Hải-Đăng	53
9.— Bức thư Paris	Nguyễn-văn-Côn	54 — 57

W 290126  
109

10.— 9 ngày ở Trung-tâm 3	Nguyễn-Thu-Minh	58 — 63
11.— Bức tranh vân cẩu	Diệu Huyền	64 — 66
12.— Mây cô đơn (truyện dài)	Nguyễn-Vũ	67 — 71
13.— Vệ Nữ	Diệu Huyền	72 — 78
14.— Phê bình sách mới	Nguyễn-Vỹ	79 — 86
15.— Cung Oán ngâm khúc	Hubert-Hohl	87 — 91
16.— Trúc mộc (kịch thời đại)	Nguyễn-Hữu	92 — 100
* Tranh trong bài	Ngọc-Dũng	
● Trình bày	Nguyễn-Minh	
* Hình bìa : một thắng cảnh ở Đức		



- Chúng tôi hoàn-toàn không chịu trách-n hiệm về những bài la cảo của bạn đọc, (theo thể-lệ chung của các tạp-chí quốc-tế).
- ★ Bài lai cảo không đăng, không trả lại.
- Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích đăng những bài trong tạp-chí PHỒ - THÔNG, nhưng yêu-cầu đề rõ xuất-xứ : « Trích tạp-chí PHỒ-THÔNG » và đừng viết tắt.
- ★ Cấm trích, dịch, phỏng đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
- Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays.
- ★ Copyright by PHỒ THÔNG, printed in Việt-Nam.

● Tổng phát hành PHỒ - THÔNG toàn quốc :  
ĐỒNG NAI 270 Đề-Thám — Saigon

● Tổng-phát-hành PHỒ-THÔNG ở Âu-Châu và Phi-châu

● Notre représentant général pour l'Europe et l'Afrique

■ Our general agent in Europa & Africa

**LONG-HIỆP**

13 Rue de la Montagne Ste Geneviève — PARIS Ve  
(vente — abonnements — Publicité)



# Thế nào là một HÀN-LÂM-VIỆN VIỆT-NAM?

## II

Lập một Hàn-Lâm-Viện để làm gì? Nhất là trong tình trạng bế bối của một nước Việt-Nam cần phải vùng dậy để thoát khỏi cái mặc cảm «nhược tiểu», để đuổi kịp trào lưu tiến bộ của Thế-giới ngày nay, vai trò của một Hàn-Lâm-Viện Việt-Nam phải như thế nào?

Một số người quen hơi xôi thịt, và một số «văn phiệt», «học phiệt» có đầu óc bè phái, quan liêu, đã quan niệm Hàn-Lâm-Viện như các «Viện» khác của mấy lớp chánh phủ đã lập ra, hữu danh vô thực, nơi đây người ta đặt-đề những kẻ «bồ-bịch» vào những địa vị có bổng lộc cao, có chức tước lớn,

nhưng không cần có khả năng làm việc, và không có việc để làm.

Người ta đặt ra những «Viện» để có một hình thức bề ngoài, không chú trọng đến công việc bên trong. Thường thường, người ta cấp cho mỗi vị một số lương tháng thật ra chỉ là cấp dưỡng cho những người bạn trung thành để làm vây-cánh riêng cho một chế độ, một đảng phái, hay một cá nhân, chứ không phải để xúc tiến một công tác thật sự có lợi ích công cộng.

Cho nên có những «Viện» thiết lập nơi những biệt thự tư nhân nào đó, — có lẽ chủ biệt thự chính là «Viện trưởng», — với một tấm bảng lớn, mới tinh đóng ở mặt tiền hay trên cổng, trong nhà có hai ba «Văn phòng», có hai ba cô thư ký, một anh tùy-phái, có máy đánh chữ, có điện thoại, nhưng từ anh tùy phái, có thư ký đến quý vị nhân viên đều ngồi chơi không.

Cũng có những ông có thiện chí hội họp một nhóm bạn hữu, đặt ra chương trình hoạt động, đề nghị nhiều công tác, nhưng rồi không đi đến đâu cả, vì không có ngân quỹ, hoặc là có mà ít quá, vừa đủ để cho Viện thỉnh thoảng mở cuộc «tiếp tân» mà thôi.

Đại khái những «Viện» này «Viện» nọ mà chúng tôi đã biết, trải qua các chính-phủ đều như thế.

Chúng tôi tha thiết mong mới HÀN-LÂM-VIỆN VIỆT-NAM sẽ không phải như vậy.

Hàn-Lâm-Viện Việt-Nam phải có nhiều trọng trách đối với VĂN-HÓA DÂN-TỘC.

Theo thiện ý của chúng tôi, người ta phải giao phó cho Hàn-Lâm-Viện Quốc-gia 3 công tác cấp bách và quan trọng :

- 1) Soạn thảo một bộ TỰ ĐIỂN VIỆT-NAM.
- 2) Soạn thảo một bộ VIỆT-NAM DÂN-TỘC SỬ.
- 3) Soạn thảo một bộ VIỆT-NAM VĂN HỌC SỬ.

● Bộ TỰ ĐIỂN VIỆT-NAM hiện nay chưa có. Trên thị trường người ta chỉ thấy toàn những tự-điền dịch của các tự-điền ngoại ngữ.

Có vài ba người đã theo các tự-điền Việt-Nam xưa, của Huỳnh-Tĩnh-Cử, Génibrel, Trương-vĩnh-Kỳ... , làm ra những tự-điền mới, nhưng vẫn thô sơ với rất nhiều khuyết điểm trầm trọng, không ứng đáp với nhu cầu hiện tại.

Chưa nói đến Tự-điền Bách khoa, cứ hãy nói ngay đến một TỰ-ĐIỂN THÔNG THƯỜNG trong đó có đủ các nhân danh, địa danh về các bộ môn Văn hóa Lịch sử, Văn nghệ, Khoa học, Địa dư, của Dân tộc Việt Nam, và đầy đủ các tiếng nói của ngôn ngữ Việt Nam thống nhất cả ba miền, hiện chưa có. Đại khái như một quyển Larousse élémentaire rất thông dụng của Pháp, chẳng hạn. Từ một vật dụng, một loại cây, một loại hoa, một con vật, cho đến tên một thị trấn, một con sông, một hòn núi, và tên

một nhân vật lịch sử, văn chương, khoa học, nghệ thuật v.v.. của Dân tộc Việt Nam từ Thượng cổ đến nay đều phải có đủ trong một bộ « TỰ ĐIỂN VIỆT NAM », mà chỉ có một Hàn-Lâm-Viện gồm đủ nhân viên 3 miền Trung Nam Bắc, đủ người chuyên môn về mọi ngành, mới có thể soạn thảo được.

Một quyển TỰ ĐIỂN VIỆT NAM như thế mới thật đúng là một quyển TỰ ĐIỂN VIỆT NAM, soạn thảo phải rất nhiều công phu, do một Hàn Lâm Viện gồm những người phải có rất nhiều thiện chí, lương tâm, kinh nghiệm và tài năng, kiến thức. Tuy nhiên chúng ta đừng quên rằng không phải tất cả những giáo sư Đại học, kỹ sư nguyên tử lực, bác sĩ, v.v... đều là những người có đủ tư cách và điều kiện để soạn một bộ Tự-điền Việt Nam như chúng tôi đã phác họa. Một dịp nào đó chúng ta sẽ đi sâu vào vấn đề.

● BỘ VIỆT NAM DÂN TỘC SỬ hiện nay chúng ta cũng không có. Mới có một quyển « Việt Nam sử lược » của Trần trọng Kim. Nhưng ai cũng biết quyển ấy còn rất nhiều thiếu sót, mặc dầu tác giả đã đề công tra cứu khá nhiều. Nhất là về thế kỷ XX, từ khi bắt đầu người Pháp qua đò họ, bộ V.N. Sử lược cần phải viết lại.

Chính tác giả cũng đã đề tựa sách là « V.N. Sử lược » tức nhiên là phải bỏ túc nhiều nữa mới thành một Bộ VIỆT NAM DÂN TỘC SỬ hoàn toàn.



● **BỘ VIỆT NAM VĂN HỌC SỬ** hiện giờ cũng không có. Đến đôi chương trình các học đường cứ quanh đi quẩn lại tìm những tài liệu sai lầm, thiếu sót, thiên vị, trong vài ba quyển « Văn học Sử lược », « Việt văn trích diễm » của một vài tác giả mà thôi. Bộ Việt Nam Văn-học Sử cần phải soạn lại cho thật đầy đủ, khách quan, và nhất là tài liệu phải đích xác.

Bốn chục năm qua, — từ 1926 đến nay — học sinh và sinh viên Việt Nam học về Việt văn chỉ căn cứ vào mấy quyển sách cũ kỹ và sai lầm ấy !

Hình như ở Hà-nội hiện nay, người ta đã bỏ các sách « giáo khoa » thô sơ và thiếu sót thời tiền chiến, để soạn lại các sách văn học mới.

Ở miền Nam chúng ta không chấp nhận các sách của Cộng sản, nhưng chúng ta cần phải soạn lại các sách Văn học sử và Việt văn giáo khoa đầy đủ và khách quan hơn, đúng với lịch trình tiến triển của Văn học sử Dân tộc từ xưa đến nay.

Theo quan niệm nông cạn của chúng tôi, thì đó là những công việc mà một Hàn Lâm Viện Việt Nam phải làm và hành diện mà làm.

✱ NGUYỄN-VỸ

**TÔI**

**TRỞ LẠI**

**VIỆT-NAM**

**Chiến-tranh ở Việt-Nam hiện nay  
ghê gớm như thế nào ?**

★ Bắc - Kinh và Hà - Nội  
có hy-vọng thắng trận được không ?

★ Chiến cuộc ở Việt-Nam ngày nay  
so với chiến cuộc thời Pháp 15 năm  
trước khác nhau ở chỗ nào ?

máy cày, xe cam nhông, tiếng  
phi cơ nghe điếc cả óc.

★ Trung-tá Phạm-văn-Sơn

**T**ân Sơn Nhất, phi-cảng của Saigon. Ngay khi phi cơ hạ cánh chúng ta nhận ngay ra một hình ảnh « Chiến tranh ». Các đường bay trắng nhựa rộng như một xa lộ. Ở đầu các đường bay, các xe ra-đa đang quay những cánh bằng kim-khí. Trên giàn bay trên xe cam nhông các hỏa-tiến Hawk chĩa thẳng về phía Bắc. Nên hiểu rằng các hỏa-tiến này không bao giờ bắn trượt một phần lực cơ nào bay cách nơi đây 150 km. Trên 3 đường bay với diện-tích 16 CSV, 600 khu-trục-cơ được đặt trong tình trạng báo động thường xuyên.

Đọc theo đường bay, trên mặt cỏ đầy những đồ tiếp tế, đạn-dược và khí-cụ tháo rời. Tiếng động cơ của các xe ủi đất, xe díp,

Saigon từ mười năm nay, chưa bao giờ ồn-ào như hiện giờ. Đường phố trở nên quá chật trội cho hàng trăm ngàn xe hơi và một triệu dân ty-nạn Cộng-Sản lưu thông hàng ngày.

Cảnh-sát đứng ở khắp nơi. Nhân viên của họ người rất cứng rắn được các chuyên viên của Bộ Tư Lệnh Hoa Kỳ huấn luyện. Những người Đại Hàn thất lưng đen dạy họ môn võ karaté, những binh sĩ pháo binh Úc, dạy kỹ thuật gỡ mìn và các huấn luyện viên F.B.I (Công An Liên Bang Hoa-Kỳ) chỉ dẫn cách bắn xa 7 thước.

✱

Ngay buổi trưa hôm đó, sau vụ phá hoại khách sạn Métropole các oanh tạc cơ F.104 xuất phát từ hàng không mẫu hạm Independance tấn công vùng trên vĩ-

tuyến 17, với những quả bom 1 tấn. Những phi cơ này còn phá tan hoang cả Trung tâm điện-lực Uông-Bí.

Buổi chiều tôi gặp 5 sĩ quan của Lực-Lượng Đặc-Biệt ngồi trong một quán rượu, mũ để dưới tay. Lực-Lượng đặc biệt là một binh-chủng thiên-chiến dùng để đánh bọc hậu các lực-lượng Việt-Cộng. Một trong 5 sĩ quan này Franz-Schlidermann là anh bạn cũ của tôi.

Năm 1947, anh chỉ huy một tiểu đội gần biên giới Trung Hoa. Sau trận Điện Biên Phủ anh ở lại VN.

Năm 1958, anh gia nhập Lực-Lượng đặc biệt. Bây giờ, Schlidermann là Đại-Úy và từng được Huy-Chương Quốc Hội. Cuộc Chiến tranh này không ai rành hơn y.

Việt-Cộng tưởng nắm chắc tình thế, nhưng chúng đã lầm. Những tên « Cao bồi » nổi giận và đã gửi

quân sang. Họ cho sang đây Đệ thất hạm-đội, các xe tăng trang bị 6 khẩu đại bác 106 ly và phi cơ võ-trang bằng đại-liên bản 7.200 phát một phút. Cuộc chiến tranh này khác hẳn chiến tranh của Pháp xưa kia, bạn thấy chưa!

Giữa Đà Nẵng và Saigon, ba ngàn khu-trục oanh tạc-cơ bay rợp trời, có máy dò hồng-ngoại tuyến có thể tìm ra ở cao-độ 300 thước một điều thuốc cháy dở, hay những quả ngư-lôi nổi bằng làn-tinh mệnh danh « Willy Peters » có thể cháy ở dưới nước. Binh sĩ Thủy-Quân Lục Chiến Hoa Kỳ có những máy ra đa cá nhân, xách tay được, nhìn xa 5 cây số và súng M-79.

Binh sĩ Việt gọi chiếc này là « súng bắn voi ». Đây là một khẩu súng phóng lựu, bắn rất chính xác như một khẩu ca-ra-bin, có thể bắn tan một pháo đài cách xa 400 thước.

Lực Lượng Đặc Biệt chúng tôi dùng khẩu M-16, một khẩu súng rất nhẹ bằng phát-tích. Nó bắn 750 phát một phút; mỗi băng đạn 25 viên bay ra chỉ hết 1 giây và đi xa được 2 cây số...»

Trước khi chia tay nhau, Schlidermann lắng vai tôi nói thêm :

— « Nếu anh muốn xem các trận đánh thì đừng ở dưới đồng bằng, hiện giờ chỉ có những cuộc đụng độ để kiểm soát các vụ gặt. Bỏ qua Đà Nẵng đi. Tại Thủy Quân Lục Chiến thì anh biết rõ quá, những cuộc chạm súng lại được đại bác của hạm đội yểm trợ. Cái gì đặc biệt, đều ở cả trên Cao Nguyên. Những trận tay tổ của Ngũ Giác Đài, đang trải nghiệm trên kia một chiến thuật mới: đó là Ky Binh không vận. Trong các trận đánh, họ dùng phi cơ trực thăng để bao vây. Đơn vị dùng để thí nghiệm chiến thuật mới lạ này là Đệ Nhất Sư Đoàn Ky Binh Không Vận. Những tên cao bồi mệnh danh nó là « Lưỡi lê bạc ».

Tôi đã theo lời chỉ dẫn của anh. 48 tiếng sau tôi đã có mặt tại Bộ Chỉ Huy của Đệ Nhất Sư Đoàn. An Khê trước kia chỉ là một thị trấn con con với một cái chợ nhỏ xíu.

Chỉ trong vòng năm tháng An-Khê đã trở thành một phi trường

trực thăng lớn nhất thế giới với 3000 chuyến bay một ngày. Thật là một hình ảnh lạ lùng. Trời đầy những con ong sắt bay lên hạ xuống vút sát các ngọn cây. Người sĩ quan ra đón tôi là Đại Úy Boivin, gốc da đỏ. Xe đi của ông được võ trang bằng một khẩu 105 ly chống chiến xa và một máy ra đa.

Sư đoàn Không Vận với 16.000 binh sĩ được chuyên chở hoàn toàn bằng trực thăng: 650 chiếc đủ loại, trong số đó 80 trực thăng hạng nặng có thể chuyên chở 4 tấn hàng hay 30 người; khối chuyên chở được tăng cường bằng 12 chiếc « Flying Cranes », những căn trực bay này có thể bốc trong 6 giây một chiến xa Sheridan 16 tấn hay 100 binh sĩ.

Đệ Nhất Sư Đoàn Ky Binh Không Vận có thể chuyên vận trong 30 phút hay 1 giờ 8 tiểu đoàn tới bất cứ nơi nào với một tầm hoạt động 100 cây số.

Schlidermann nói đúng: Từ năm 1945 đến 1954, binh sĩ Pháp chỉ có 9 trực thăng cho tất cả Đông Dương. Chiến trường Việt Nam hôm nay đâu có giống hôm qua...



## TÔI SỐNG TRỞ LẠI

Ngoài những cánh quạt của phi cơ và những đám mây bụi, trên một đường bay bằng aluminium 6 phi cơ xếp hàng dài. Boivin giải thích :

« Đó là những phi cơ « *Mohawks* » dùng để bay đêm. Những chiếc này hợp thành 1 phi đội thám thính nồng cốt của sư đoàn. Các phi cơ này được trang bị một hệ thống hồng ngoại tuyến để chụp hình và tìm những địa đạo của Việt cộng bởi hơi nóng của chúng...

Chúng tôi lại mấy căn lều kaki dựng cạnh một con rạch chung quanh đầy giầy thép gai và bao cát.

Mấy căn lều này là Bộ Chỉ Huy của Phi đội 119, một phi đội tuần thám và tấn công của Sư đoàn.

Đại tá J.B Stockton Chỉ Huy Phi đội vóc to lớn, có một bộ râu hung hung đỏ trông rất oai vệ. Lần đầu tiên ông gặp tôi. Ông nói : « Ngày nay trong xứ rừng rậm này, xe tăng không thể dùng được nữa. Chúng tôi đã phải dùng phi cơ trực thăng để tìm kiếm địch và đổ bộ binh sĩ xuống những vùng sinh lũy

Nguyên tắc chiến đấu của chúng tôi là : tìm địch, oanh tạc cho tới khi quân sĩ đổ bộ, hễ chiến thắng thì truy kích luôn...

Tôi đã được mục kích Stockton áp dụng nguyên tắc này, Một buổi sáng, vào khoảng 6g30, Trung sĩ Mike-Waldion lái một máy bay tuần thám gọi về Bộ Chỉ Huy bằng ra vô : « Điều hầu đồ báo cáo ! Tôi trông thấy tại tọa độ ZA. 218.345 một căn nhà Việt cộng giữa rừng. Tụi Việt cộng trước khi chặt cây đã chằng giây để giữ cho thân cây khỏi đổ. Ở dưới những lùm cây chúng nó đã xây một cái trại. Không có nơi nào hạ cánh. Tôi nhắc lại : tọa độ ZA.218.345 ! »

Vào khoảng 7g50, 40 phi cơ trực thăng bay sát các ngọn cây gần trận hình vòng cung trên trời. Mục tiêu bị bao vây. Nhiều lưới sắt được thả xuống các ngọn cây. Hai trăm binh sĩ đổ bộ xuống bằng những cái thang ny lông, đi trên những lưới sắt để tụt xuống cành cây. Căn trại này thật ra là một bệnh viện gồm hai mươi nhà lá nơi chữa bệnh của 150 thương binh địch. Trong 50 phút, những tù binh

## TÔI SỐNG TRỞ LẠI

được tập trung và dẫn đi ra một nơi cách bệnh viện 2 cây số. Nhà cửa bị phóng hỏa và ta bắt được thuốc men (10.000.000đ VN.)

Hai ngày sau cuộc hành quân này, đoàn thám sát thuộc phi đội tấn công của Stockton khám phá ra một tiểu đoàn quân chính quy Bắc Việt. Đại tá Stockton và viên phụ tá, Thiếu tá Zion, bày một cuộc phục kích, một trăm hai mươi đại liên nhẹ và 30 quả mìn *Claymore*. Mìn *Claymore*, hình tròn là một khí giới mới lạ, nổ bằng điện, có thể tung ra một trận mưa thép có chất nổ với một tầm phá hoại 150 thước. Tụi VC không ngờ bị phục kích trong vòng 40 phút dưới một trận mưa lửa, chúng để lại trên chiến trường 158 xác. Mười phi cơ trực thăng thuộc phi đội pháo binh truy kích chúng bằng những loạt 50 rốc-kết phóng ra một lượt mau như chớp.

Một tuần sau, tụi Việt Minh trả đũa. Tiểu đoàn 7 sư đoàn Ky Không Vận Mỹ trong một cuộc càn quét địch tại thung lũng Chu-Pong bị 4 tiểu đoàn chính quy địch bao vây. Tụi VC đặt vị trí

chiến đấu trên hai ngọn đồi. Chúng nấp sau những chướng ngại-vật bằng thân cây, những pháo đài bằng đá và gỗ. Đạn của 80 khẩu đại liên nặng tách đoàn quân Mỹ thành 3 đoàn.

hàng trăm tên lính B.V vừa tấn công vừa hò hét, trang-bị bằng trung liên. Trận đánh sấp lá cà trở nên dữ dội với súng lục và dao găm. Những anh GI'S Mỹ tụ tập lại và thành lập những giàn đại liên chia tua tủa. Khoảng 1 giờ 15 sáng VC dùng chiến thuật biển người xông tới và hò hét : « Thực dân Mỹ, chúng bây sẽ chết hết tối nay ! » Ở nhiều nơi, xác của loạn quân chồng chất lên nhau làm tắc nghẽn đường bắn của binh sĩ Mỹ. Một giàn súng cối chặn đứng chúng lại. Chúng xoay ra tấn công phòng-tuyến phía Đông.

Khi trời còn tờ mờ sáng, mười hai phi cơ trực-thăng OH 13. Sioux bay trên thung lũng, thả đạn được xuống cho các binh sĩ bị bao vây. Những binh sĩ lúc này đang còn đánh sấp lá cà nên không lực Mỹ bắt buộc phải ném bom xăng đặc vào vị trí của họ.

Mặt trận chạy dọc theo hai



mười cây số và kéo dài 3 ngày và 4 đêm. Đại tá Burdett Chỉ Huy Trưởng phi đoàn tiếp vận không được ngủ luôn trong vòng 24 tiếng đồng hồ. Ba tiểu đoàn Bắc Việt lại nhảy vào vòng chiến. Sư đoàn không vận cho 300 trực thăng cất cánh và thả sau phòng tuyến địch 40 khẩu đại-bác bắn ra 10.000 quả đạn, 200 phi cơ khu trục và 160 oanh tạc cơ phun ra 500.000 viên đạn đại-bác 20 ly và thả một ngàn hai trăm trái bom xuống trận-tuyến.

Chúng tôi bị giam trong một cái củi lửa. Tiếng động đất bao trùm cả thung lũng. Buổi trưa ngày thứ ba B52 tới. Những pháo đài bay 8 máy từ Guam tới làm rừng xanh và bầu trời như nổ tung dưới những đám mây sắt nóng, soufre, cordite. Ngày thứ 4, khi mặt trời bắt đầu hiện ra trên chiến trường. Người ta thấy mặt đất cháy đen. Không còn một tiếng súng, một tiếng kêu nào nữa. Khu rừng im lặng như tờ. Một mùi thịt nướng bốc lên khùng khiếp làm ngột ngạt cả không khí. 1.800 xác VC nằm rải rác trên mặt rừng. 200 xác binh sĩ Mỹ cuốn trong cái bọc được tải lên trực thăng. Những người sống sót thuộc tiểu đoàn

7 đi lang thang trong thung lũng lảm li không nói một lời. Buổi chiều ngày-tôi đến trước căn lều của ông, nơi cắm một lá cờ của Sư-đoàn Đại tá Stockton nói với tôi : — « Người ta thường nói chúng tôi đánh trận trong một cái ghế bành, tại Đệ Nhất Sư Đoàn Không Vận B.B. Từ sáng nay bọn Việt Cộng đã thấy chúng tôi đánh rập mặt đất rồi nhé ! Tại Chu Pong, chúng tưởng ăn chắc vì chúng được bố trí trận địa trước, giành được các vị trí ngon lành nhất, còn chúng tôi thì đứng ở chân đồi. Việc phục kích được thiết lập rất tốt. Và đây là lần đầu chúng tôi đã đập tan cam bẫy bắt cọp của chúng. ».

Ông đốt thuốc, điếu xì gà thiên cổ của ông là thứ xì gà Mani và tiếp :

— « Tôi qua Việt-Nam lần này là lần thứ ba, tôi đọc đi đọc lại nhiều lần cuốn sách của Lartéguy nhan đề là : *Les Centurions* ». Các sĩ-quan dưới quyền cũng phải đọc. Đó là điều thiết-yếu. Bọn Việt-Cộng vẫn áp dụng chiến lược cũ như hồi chơi nhau với Pháp. Nhưng sĩ quan nhảy dù của Lartéguy vốn là những chiến-sĩ ưu-tú, nhưng họ mắc

một lỗi lầm không tha thứ được là họ đã mê cả kẻ địch của họ. Ông yên lặng một lúc rồi nói :

— Cái đích tương lai của các nhà lãnh đạo Ngũ-giác-đài là đặt ở V.N 4 sư đoàn kiểu đệ-nhất kỵ binh không vận. Khi đó chúng tôi sẽ có 3000 trực-thăng và như thế chúng tôi có thể thâm nhập vào bất cứ một sào-huyệt bí mật nào của đối-phương...

Tôi hỏi :

— Như vậy Bộ Tham-Mưu của Đại Tá sẽ phải giải quyết một vấn đề rất nặng-nề về tiếp-vận. Hải cảng Saigon và Đà-Nẵng đã nghẹt cứng rồi mà !

Đại Tá trả lời :

— Đệ 4 sư-đoàn không vận hoạt động được, chúng tôi sẽ phải dùng đến 2500 tấn đồ tiếp-tế mỗi ngày. Vấn đề đã được đặt ra và Cam-Ranh sẽ ứng phó với tình thế. Tôi được đi một chiếc Caribou hai máy tới Cam-Ranh trên một phi-đạo san hô nát bần. Cam-Ranh vừa đây không lâu ở Việt Nam chỉ là một nơi du lịch vụ hè. Người Mỹ đến thì có dần nhiều sự thay đổi. Luôn ba tháng rỗng 4000 thợ, 112 kỹ-sư và 400 chuyên-viên kéo đến làm việc suốt ngày đêm đã san phẳng

ba bốn cây số đồi núi, chọc thủng cả những vách đá, để lấy đá xây nền bằng các máy đào, máy ủi, xe ben khổng-lồ cao tới 25 thước chừa đường được 25 thước khối và mỗi giờ luân chuyển được tới 1.400 tấn đá !.

Viên Kỹ - Sư chánh ở công-trường to như ông hộ pháp lông lá sạm-sít. Ông ta đứng trên một chiếc chòi ngất-nghiều có mui đổ che ánh nắng.

Khi tôi hỏi ông ta : « Tại sao Ông lại chọn Cam-Ranh ? Ông trả lời : Vừa khoát tay một vòng về phía mặt nước mênh mông mang dưới mặt trời.

— Cam-Ranh là một hải-cảng có một vẻ đẹp thiên nhiên nhất ở Á Châu ; nó có một đường chạy theo biển dài 8 cây số. Bãi biển được núi đá che chở, tiếp giáp với mặt nước sâu bằng một cái bến rộng 3000 thước. Mặt trong của nó là sáu ngàn mẫu tây. Trên 4.500 mẫu tây có những đáy sâu tới trên 13 thước. Chiến hạm hay thương-thuyền của Tây-phương có thể ra vào rất thoải mái. Về địa-lý Cam Ranh ở đúng khoảng giữa Tân-gia-Ba và Hương-cảng. Các chuyên viên của chúng tôi đang đào những bồn xăng ăn ngầm

vào trong đất và xây bãi cho 2 cái tàu dầu chứa 10.000 tấn cấp bốn được, cát 3 giầy kho mỗi giầy dài 5 cây số. Còn các kỹ sư nhà binh thì sắp đặt các hầm trú ẩn cho các phi-cơ thang máy và cửa sắt. Đến 1972 Cam Ranh sẽ là một căn-cứ hải-không tự-trị lớn nhất ở Thái-Bình-Dương. Một trục-thăng đặt tới xuống ngọn đồi 257 là chỗ hành dinh của Đệ-nhi Lữ-đoàn Thủy-Quân-Lục Chiến ROK. Ở đây quân nhân Đại-Hàn có nhiệm-vụ bảo vệ căn-cứ. Họ là những người có vẻ già giặn, lực lưỡng. Ngọn đồi 257 là một vị-trí hình như cái bánh móng lừa vừa có thể nhìn triết-tỏa ra bãi biển và cả về phía trong đất liền. Bộ đội Đại-Hàn thiết-lập ở đây một bức thành rất vững chắc. Thiếu Tá Chang-Kim Chỉ-huy đồn này trước đã ở Ba-Lê ba năm, đậu bằng Đại-học chánh-trị, năm nay 37 tuổi, mặt còn ghi nhiều vết sẹo do bị mảnh lựu đạn bắn phải.

Tôi phỏng vấn luôn :

— Vì lý do gì Thiếu-Tá sang chiến đấu ở Việt-Nam ?

Ông ta cười một cách lạnh lẽo rồi trả lời :

— Cái gì xảy ra ở Việt Nam liên hệ đến chúng tôi, đến người Mỹ. Cao-Ly chúng tôi bị xẻ đôi. Áp lực của Trung Cộng đối với Việt Nam thế nào thì đối với chúng tôi cũng vậy. Nước Mỹ cấp phân với áp lực của Trung Cộng và ông thấy, chúng tôi là những nước ở tiền tuyến trước sự bành trướng của bọn « ĐỎ » Ông lấy làm lạ rằng chúng tôi có mặt ở Việt Nam sao? Thế theo ông, bọn Nga, Đức, Ý đã làm những gì trong cuộc chiến tranh Tây Ban Nha? Họ thử các vũ khí và đối đầu ý thức hệ của họ với nhau. Vậy thì chiến tranh ở Việt Nam là một thử chiến tranh Tây Ban Nha tại Á Châu đó. Nga thử các hỏa tiễn địa không. Mỹ thử các nước sơn oxyde de fer để máy dò không nhận ra phi cơ của họ và muốn chứng tỏ có thể thanh toán một cuộc chiến tranh cách mạng bằng các người máy điện tử. Trung Cộng thì đang chứng minh rằng chủ nghĩa Mác nông dân cao hơn nền văn minh « đô la ».

— Thế rồi đây Trung Cộng tung quân xuống miền Nam Thiếu Tá nghĩ sao ?

— Trung Cộng chẳng làm chiến đấu, ông ơi ! Sức mấy mà họ nhảy vào miền Nam ? Ông chẳng thấy từ Cao Ly xuống đến miền cực Nam Việt Nam và ở các đảo ven Thái Bình Dương. Mỹ đã đặt cả một hàng rào Nguyên tử dành riêng cho Á Châu do Bộ chỉ huy chiến lược Không quân của họ đó sao ? Số vũ khí hạt nhân này là 16 ngàn méгатonnes tức là một triệu lần trái bom Hiroshima, cứ đưa vào đây mà coi ! Vị sĩ quan cao cấp Đại Hàn ngừng vài giây rồi nói tiếp :

— « Các dân tộc Á-Châu chúng tôi hiện nay đang ở khu trái độn, thực ra chúng tôi không chấp nhận một cuộc đối kháng bằng nguyên tử lực. Ngoài ra, chúng tôi còn một lá bài khác, một lá bài chủ chốt, đó là quân đội Đài Loan. Một triệu quân Trung Hoa Quốc Gia rất thiện chiến về mọi mặt đang sẵn sàng nhảy vào vòng chiến chỉ cần nước Mỹ trang bị tàu bè cho đầy đủ để đổ bộ. Thống chế Tưởng giới Thạch về không quân của ông không đòi hỏi gì thêm bởi đã có 2000 phi cơ siêu âm và 500 phi công trừ bị nên nếu họ đổ bộ

vào lục địa nhất định chỉ có lợi mà thôi. Cần gì phải dùng vũ khí nguyên tử ! Cần gì phải có quân đội ngoại quốc hỗ trợ ! Cuộc chiến sẽ hạn chế giữa người Tàu với người Tàu và các ý thức hệ khác nhau đối phó với nhau có hay hơn không ? Như thế tránh được Đệ Tam thế chiến nghĩa là chỉ có nội chiến mà thôi.

— Thưa Thiếu Tá, Hòa Bình ở Việt Nam sẽ giảm dị hóa nhiều vấn đề chẳng ?

— Chính khôi phục Hòa Bình khó hơn, theo ý tôi nghĩa là giải quyết chiến tranh bằng chiến tranh thì dễ nhưng xây dựng được Hòa - Bình là một công trình hết sức phức tạp. Nhiều chuyện dính liu đến cuộc ngừng chiến lầm. Tỷ dụ Trung Cộng muốn đẩy Mỹ ra khỏi Á-Châu, Mỹ đâu có chịu. Một bên là một đám người đông nhất thế giới. Một bên là cường quốc mạnh nhất thế giới. Rồi giữa hai lực lượng vĩ đại ấy một trăm triệu người Nhật đang bị đóng đinh ở những quần đảo nhỏ bé quá. Thế thì cuộc đấu võ ở Việt Nam có thể chỉ là mở công ngổ cho một cuộc chiến



## TÔI SỐNG T RỞ LẠI

tranh vị lại ở Thái Bình Dương rồi còn gì?...

— Tôi rời Cam-Ranh khi đã xế chiều. Bãi biển lúc này trông lộng lẫy như ngọc và trời không chút vân mây. Những tiếng nổ làm rung động cả các núi đồi do trọng pháo đã bắn theo một đường vòng tròn đi khắp mọi nơi. Tại Việt Nam 20 năm qua

đại bác đã nổ. Cuộc chiến tranh kỳ cựu nhất của thế giới chưa muốn ngừng.

(Viết theo ký sự chiến trường của Pierre Darcoart, in trong tập san Constellation tháng 4-1966, trang 98-111)



**CHÚ THÍCH:** — Kroutchew đã có lần nói với Lưu thiếu Kỳ trước đây rằng: chế tạo bom Nguyên tử lớn lắm. Thi đua với Hoa Kỳ về vấn đề này thì một ngày không xa, người dân Hoa-lục đến cái khổ cũng không có mà mang. (Xin coi bài Trung Cộng có làm chiến không trong báo Constellation tháng Mai 1966).



### ★ Máy điện thoại hạng Luých

Anh quốc vừa tung ra thị trường một loại máy điện thoại hạng luých. Máy nhỏ và nhẹ bằng nửa máy thường. Tiếng chuông reo êm dịu và có thể cho kêu lớn nhỏ tùy theo chỗ đặt máy có ồn ào không. Bên trong máy có một ống có chất Tritium tỏa ra một thứ ánh sáng êm dịu trên mặt quay số.

### ★ Máy ra-đa tý hon

Tờ báo « Kỹ thuật mới » ở Bỉ vừa loan báo Hoa Kỳ đã hoàn thành một máy Radar tí hon. Máy cân nặng 3kg, bề dài 3 tấc, và 12 phân đường kính. Phạm vi hoạt động 1.000 thước. Người cầm máy chỉ cần hướng cái máy về phía mình muốn biết, nếu có một vật gì cử động thì máy phát một tiếng kêu nhỏ báo hiệu ngay.



## Những nhạc-khí miền Cao - Nguyên

★ TÒN - THẮT - PHONG

**C**ÙNG NHƯ hầu hết mọi dân tộc trên thế giới, dân-tộc ta cũng không thuần nhất, có sự pha trộn, tổ hợp chủng tộc, nhưng đặc biệt là dân tộc ta có cùng chung một ý chí phấn đấu để bảo vệ sống còn trong tinh thần hòa đồng dân tộc. Và tinh thần đó thường được thể hiện qua âm nhạc, vì âm nhạc và đời sống chúng ta đi đôi với nhau như hình với bóng, không có âm nhạc cuộc sống sẽ

tẻ nhạt, sẽ thiếu thốn và cảm thấy như mất đi một phần ý nghĩa của đời người.

Đối với người Thượng cũng vậy, trong lúc nghỉ ngơi, hội hè đình đám, họ cũng có những phút giây rung động bằng những âm thanh tươi trẻ phát xuất trong những lúc nhàn rỗi, họ quây quần bên bếp lửa hồng, bên vò rượu ấm, và từ đó những âm thanh phát ra chân thành và nguyên vẹn.

Nhưng, những tiếng hát dịu hiền của cô sơn nữ, những âm thanh thánh thót chân thành và nguyên vẹn đó như bị lãng quên nhiều thế kỷ trong rừng thẳm núi xanh, và ngày nay dân nhạc Thượng đã bừng dậy mạnh mẽ trên khắp vùng trời Cao Nguyên và đang lên lời xuống miền xuôi để chiếm lấy một chỗ đứng trong nền Văn Nghệ Dân Tộc.

Đề diễn tả và tiêu biểu cho nếp sống giàu tình cảm của mình, đồng bào Thượng đã dùng đến những nhạc cụ thô sơ, như vài ba cái chiêng, một chiếc trống da trâu, hay 5,7 thanh tre ghép lại, một ống nứa hoặc một chiếc sừng trâu, v...v. tuy không hoa mỹ mấy nhưng đủ để diễn tả những âm giai và kết hợp thành âm điệu. Không phải nhạc khí thô sơ mà âm điệu nghèo nàn, thiếu hấp dẫn, trái lại, âm nhạc Cao-nguyên còn đời dào và súc tích nữa.

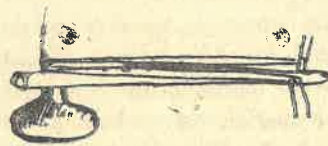
Sau đây xin lần lượt giới thiệu cùng quý độc giả những nhạc khí thô sơ và phổ thông nhất trong các bộ tộc thuộc miền Cao nguyên Trung Phần.

● **ĐÀN «TING-NING»** hay «GONG»: Một loại nhạc cụ

được phổ thông nhất trong giới nhạc sĩ bình dân thuộc bộ tộc Jarai, nhưng các bộ tộc khác như Êđê, M'ngong, Bahnar cũng rất ưa thích và xử dụng khá điêu luyện. Đàn này người Jarai thì gọi là «Gong», còn người Êđê thì gọi là đàn «Ting Ning».

Đàn này, do một nhạc sĩ bình dân Jarai sáng chế vào thời kỳ bán khai khi bộ tộc này di dân lập ấp, Chèo-reo. thuộc Phú-bồn là trung tâm phát sinh và xây dựng dân ca truyền khẩu Jarai.

*Cách làm:* Một ống tre dài từ 30-40 phân, một quả bầu, 12 giây thép nhỏ, tất cả các vật



liệu được phơi khô để tránh trường hợp cong, nứt có thể làm thay đổi âm thanh.

*Cách xử dụng.*— khi xử dụng nhạc sĩ đặt chuỗi đàn lên bụng

dùng ngón tay trái và cái xử dụng 5 giây đàn bên trái có âm thanh Mi cao, 7 giây còn lại xử dụng bằng ngón cái và trỏ của tay phải, quả bầu khô khoét rỗng là nơi khuếch đại âm thanh như chiếc «loa» vậy, nhạc khí này tấu lên nghe rất vui tai.

● **ĐÀN BRUA-NẢ:** Đặc biệt là đàn này chỉ có một giây, đàn trông tựa như chiếc đàn bầu của người miền xuôi, một sợi dây thép căng thẳng trên một ống tre khô dài khoảng 40 phân đường kính độ 2 phân trên thân ống tre có 3 phím đàn. Nơi ngựa đàn đặc biệt có 1 sợi giây gác dài từ 15 đến 20 phân, buộc chặt vào ngựa đàn, cuối giây có 1 miếng tre chuốt thật mỏng, bằng 1 móng ngón tay, ngoài ra còn có 1 thanh tre nhỏ dài từ 15 đến 25 phân vót mỏng và uốn cong như cái Archet của cây Violoncelle. Khi xử dụng nhạc công ngồi xổm, một chân co, chân duỗi, ngón chân cái của chân trái kẹp chặt ngựa đàn, miệng ngậm miếng tre nhỏ có buộc giây và đồng thời tay trái bấm phím đàn, tay phải kéo «Archet» đưa cọ lên giây đàn. Khi tấu lên

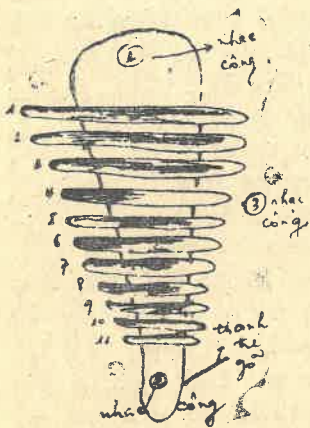
tiếng đàn nghe âm ức, như nghẹn ngào, như ai oán, đàn này dùng tấu khi đình đám. Đặc biệt âm điệu sẽ phát ra nơi cổ họng nhạc công chuyên qua miếng tre và chuyển xuống giây đàn và chỉ phát ra được ngũ âm: Do, Mi, Fa, Sol, Si, một âm thể ảo, nao buồn thắm.

★ **ĐÀN ĐING-PUT:** Gọi là đàn nhưng sự thật không có giây, chỉ có 8 ống tre khô rỗng, dài ngắn to nhỏ khác nhau, ống lớn nhất, dài độ 1 thước 3, đường kính độ 6 phân và ống nhỏ nhất dài độ 30 phân, tròn 3, 4 phân, tất cả 8 ống tre rỗng ấy được đặt trên 2 thanh tre nằm ngang. Khi xử dụng có 2 nhạc công, thường thường là nữ, 2 cô quỳ gối hai bên, khom lưng và bụm tay lại vỗ nhẹ 2 tay vào với nhau, hơi phát từ 2 tay chuyển qua ống, phát ra đầu ống bên kia, tạo nên một âm thanh rất lạ tai, mỗi ống tùy theo lớn nhỏ có những âm giai khác nhau, khi tấu nhạc nghe như tiếng trống đồng, nhạc cụ này được thông dụng ở các bộ tộc Bahnar, Êđê thuộc Pleiku và Ban mê thuộc, người Thượng



thường chơi loại nhạc khí này khi hội hè vui vẻ.

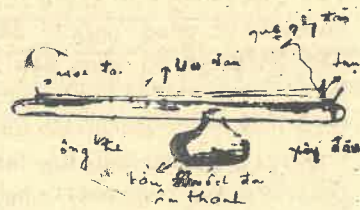
★ **ĐÀN TRUNG**: Một loại dương cầm của bộ tộc Êđê, M'ning, nhạc khí thô sơ nhưng khó làm, gồm có 11 ống tre khô chọn lựa kỹ càng, mỗi ống có một âm thanh khác nhau từ *Do* đến *Mi*, và tùy theo từng âm



thanh, mỗi ống có thể bị khoét đi 1 phần để cho đúng âm thanh cao, thấp, tất cả được buộc vào

1 sợi giây thường dài. Khi sử dụng có hai nhạc công ngồi 2 đầu, nắm 2 đầu giây đỡ bồng đàn lên và nhạc công thứ 3 ngồi giữa, dùng 1 thanh tre đặt gỏ lên từng ống tre, tùy theo bài, tùy theo điệu nhạc, âm thanh phát ra nghe tựa như tiếng đàn Piano hay nghe xa như tiếng suối chảy. Nhạc khí này được phổ thông trong nhiều bộ tộc.

● **ĐÀN BRUẢ-ĐUNG**: như đàn Bruả-nă nhưng lớn hơn, 1 ống tre rỗng lớn, đường kính độ 7 phân, dài 80 đến 90 phân, chính giữa là 1 quả bầu khô dùng để khuếch đại âm thanh, 2 giây thép nhỏ được căng thẳng từ 2 trục đàn đến ngựa đàn. Khi sử dụng nhạc công úp bầu vào bụng 2 tay giữ cho đàn thẳng bằng nằm ngang, tay trái dùng ngón trỏ và giữa bấm lên phím, ngón trỏ và giữa tay phải gảy dây đàn, đặc biệt là phía trục lên giây có 1 sợi giây nhỏ để buộc 1 que tre nhỏ bằng 1 lông tay dùng làm mediator để gảy đàn, «mediator» cột vào ngón trỏ tay phải. Ở xa nghe tưởng như tiếng đàn Mandoline hay Panjo vậy. Loại đàn này được phổ thông nhất ở



Phú-Bồn, sắc tộc Jarai, Bahnar dùng vào lúc hội hè múa nhảy.

● **ĐING-BỨT TA-TA**: (sáo diều) Trông tựa như ống sáo nhưng chỉ có hai lỗ và ở gần giữa có một quả bầu khô nhỏ bằng nắm tay gắn chặt lên ống sáo, phía miệng bầu có 1 cái kèn tre nhỏ, có lưới gà, và phía cuối ống sáo có 1 lỗ rỗng khác, khi sử dụng, nhạc sĩ ngậm vào miệng bầu (có kèn) thổi nhẹ, 2 ngón trỏ và vô danh bấm nhịp vào 2 lỗ khoét sẵn trên ống sáo còn bàn tay trái bít lỗ rỗng phía cuối, tùy theo điệu nhạc, khi thổi khi trầm, nhạc sĩ thả hay bít lỗ tạo nên một tiếng sáo diều nghe rất vui tai.

★ **BUT-COK** (ống tiêu): tương tự như ống tiêu, dài từ 25 đến 30 phân, có 4 lỗ phía cuối có 1 lưới gà và đầu kia bít kín.

Khi sử dụng, nhạc công ngậm lưới gà phát âm và thổi nhẹ, 2 ngón tay trỏ và áp út sử dụng 2 lỗ phía trước và 2 ngón trỏ và áp tay trái sử dụng 2 lỗ còn lại. Tùy theo điệu nhạc, trầm, bồng nhạc sĩ

điều khiển bằng hơi thở, nghe như tiếng sáo, tiếng tiêu của những kẻ mục đồng giục trâu khi hoàng hôn về trên thôn dã.

● **KÈN K'KI PAH** (tù và) Đối với đồng bào Thượng tiếng K' Ki Pah được thông dụng nhất, K' Ki Pah làm bằng sừng trâu khoét rỗng, 1 đầu lớn và 1 đầu nhỏ, phía gần đầu nhỏ có một cái kèn làm bằng tre có gắn lưới gà phát âm, khi thổi, nhạc sĩ ngậm miệng vào lưới gà thổi nhẹ, ngón cái của tay trái bít phía đầu nhỏ, bàn tay phải bít đầu lớn, tùy theo âm điệu nhạc sĩ thả tay hay bít lại và điều khiển cả bằng hơi thở, điệu nhạc phát ra thường buồn áo não, khiến người nghe tưởng đến cảnh chết chóc ma quái.

Như đã nói ở trên, đối với đồng bào Thượng, tiếng đàn,

tiếng sáo, tiếng tiêu hay tiếng tù và là những tiếng phổ thông quen thuộc và còn tiêu biểu cho nếp sống nhiều tình cảm của con người. «Ding But Ta Ta», «Bút Coh», K' Ki Pah» là người bạn đường trung thành nhất để nói lên những tình cảm thô sơ và mộc mạc của họ.

Bạn có dịp đi sâu vào rừng thăm, đến các buôn làng heo lánh xa xôi, giữa cánh núi non hùng vĩ, dưới ánh trăng khuya bạn sẽ nghe những âm thanh buồn bã, nao nùng, tê tái từ những mái tranh nhỏ hoặc từ những cánh đồng thanh vắng



★ **Máy báo-động thời tiết**

Viện nghiên-cứu khí-tượng tại Kiev (Nga) từ nay có thể báo trước 6 giờ đồng hồ những biến chuyển về thời tiết như mưa, tuyết, v.v...

Đây là một máy radar «tim hiểu» những đám mây đen (cumulus). Những phản ứng của đám mây chuyển vào máy trong một phần trăm giây đồng hồ sẽ được một máy tính điện-tử phân-tích và cho biết tỷ-trọng cũng như sự cấu tạo của đám mây. Các chuyên viên chỉ cần cứ vào đây để biết kết quả.

vọng lại, bạn sẽ cảm thấy ngậm ngùi và say đắm theo dư âm của điệu nhạc, như diễn tả một cuộc sống tang thương, nghèo khổ.

Tóm lại, hầu hết các bản dân nhạc Thượng thường được trình bày đều là những bản «tình ca», âm thanh sẽ gợi lên một mối tình cô sơn nữ thô sơ mộc mạc nhưng chân thành vì đã lữ thề với người yêu :

«Dấu dòng nước thác đục  
ngầu vì mưa gió,  
tình anh, em xin giữ trọn  
đời».

(PLEIKU, đầu năm 67)

**Vết thương  
trong  
thành phố**

★ **TRẦN-VIÊN-PHƯƠNG**



TÔI đóng cửa phòng cô tìm giấc ngủ. Tiếng hát giọng đàn bà từ hành lang nhà bên cạnh văng qua : «những ngày phò lên đèn, em đợi anh, nổi buồn khung tù ải...» Tôi trở dậy, người đàn bà nhìn sang bắt gặp tôi đang ở trần, nàng vói tay đóng cửa sổ. Đồng hồ nhà dưới gõ một tiếng, hình như bảy giờ rưỡi rồi. Ba tôi đang nghe đài BBC loan tin một trận không chiến xảy ra ở Bắc Việt. Tâm ơi xuống ăn cơm — tiếng chị tôi gọi tôi từ nhà dưới —

Không, Tâm không ăn. Tôi đáp lại. Còn nửa giờ nữa thì gặp Quỳnh. Gặp Quỳnh à, không, không thể được, gần ngày thi rồi. Có lẽ, cần phải gặp Quỳnh đêm nay vì trưa mai Thảo, chồng nàng trở về rồi.

Tôi mặc nhanh quần áo, lấy một cuốn sách cầm ở tay cho chị tôi biết mình đi học. Xuống cầu thang thì gặp chị đi lên.

— Tâm đi học à ?

— Vâng, Tâm lại nhà thằng Bảo ôn bài. Nói rồi đi xuống



một mạch, tôi huýt sáo vớ vẩn. Không hiểu sao nghĩ đến Quỳnh làm tôi phần khởi. Ra đèn cửa Thượng-tứ, những ngọn neon sáng rực. Tôi cúi đầu bước nhanh, không hiểu sao mình sợ thứ ánh sáng đó. Mỗi lần đèn nhà Quỳnh tôi vẫn thường đi nhanh như vậy nhất là lúc đi qua xóm nàng ở. Đi ngang qua một tiệm chụp ảnh tôi nhìn vào. Hình của Như Hào, Hà Thanh, Kim Ngân, vẫn nhìn khách qua đường, vẫn cười, không biết những cô ấy thì sao nhỉ? Chắc là đẹp và thơ mộng về chuyện tình ái như tiểu thuyết lắm. Bỗng dừng tôi đỏ mặt. Tôi ngớ ngẩn đúng như lời chị tôi thường trêu về tôi với bạn chị:

— Thằng bé nó bỏ như vậy chứ con gái xấp lại gần là như gặp phải điện. Tôi chưa hề nói chuyện gì ngoài việc học với bạn gái tôi, hay nói cho đúng là không biết chuyện gì để nói. Còn Quỳnh thì sao. Tôi không sợ điều đó. Tôi gọi Quỳnh bằng chị. Tôi vẫn thường dùng tiếng chị ngay cả những lúc hôn nàng. Gọi bằng chị tôi thấy yên tâm hơn... thứ yên tâm của

một kẻ bị động. Phần Quỳnh nàng cũng yên tâm với lời xưng hô dành cho tôi. Quỳnh chỉ gọi tôi vồn vện bằng một tiếng: Tâm. Tên tôi như một ngôi thứ nhất của người Âu Mỹ, je, I. Cứ tùy theo từng lúc, lúc giận hờn, Quỳnh thường trách móc: "Tâm làm tôi không vừa lòng. Những lúc đó tôi chỉ biết có tên Tâm mà thôi. Tâm xích lại gần chút nữa, đây, chút nữa..." Tôi nghe tiếng anh ở đâu tên tôi trong những lời âu yếm của Quỳnh. Những người trong xóm Quỳnh ở cứ tưởng tôi là em chồng của nàng theo lời nàng nói, không ai có thể ngờ vực được chuyện của tôi và Quỳnh. Tôi kém hơn Quỳnh đến năm tuổi, đi bên Quỳnh giống như em của nàng. Quỳnh thường nín vai tôi đi thông thả ven bờ hồ Thượng-tứ mỗi chiều để dạo mát. Quỳnh bắt chấp tất cả. Nàng khó chịu với người khác khi họ để cập đến tôi, cái khó chịu của một gái già cũng giống thế. Nhiều lúc tự hỏi rồi sẽ tiếp tục đến đâu, những lúc tự hỏi như vậy tôi thường thấy mình như ở ngoài vùng ánh sáng, mang tâm trạng của một tên trộm bị bóng

đen, không biết chạy đi đâu. Tôi nhắm mắt bước đi.

Đọc theo bức thành của trường Thượng-tứ, tôi dừng lại một lát trước hẻm vào khu xóm Quỳnh ở.

Băng qua ngõ cụt đèn nhà Quỳnh. Mùi thơm của hoa sen thoang thoảng. Tôi bóc thuốc lá ra hút để trấn tĩnh mình — «Tôi không thích Tâm hút thuốc lá, con trai mà hút thuốc lá thành đàn ông mất. Tâm hút thuốc lá làm tôi buồn, Tâm nhớ Camus đã bị người yêu ghen khi chàng đứng hút thuốc trên đồi không?»

Ừ! Mình đã thành người lớn rồi nhỉ. Tôi bước chậm lại: 223/8, 225/9, 227/10. Nhà Quỳnh gần lại. Tôi bốn chón, ngọn đèn ngủ trên gác của Quỳnh vẫn sáng.

Quỳnh mở hé cửa, tôi lách người vào. Tiếng cửa kêu ken kết tự khép lại. Tôi nghe hơi nóng của môi Quỳnh sau gáy, trên trán, trên ngực.

— Sao đêm qua Tâm không đến?

Tôi vòng tay qua lưng Quỳnh. Anh sáng cây đèn ngủ trong góc phòng như tôi dần lại. Tôi khó chịu ở ngực. Quỳnh để mặc tôi ngồi một mình trên ghế, nàng đi vào trong nhà. Tôi vớ một tờ báo đọc một vài tin vớ vẩn.

Cứ mỗi tuần đều như thế. Hẳn về Huế, hai vợ chồng mừng trong chốc lát, Quỳnh đi chợ lo làm cơm cho hẳn ăn, đến chiều tôi dẫn nhau đi bát phở, vào xi-nê rồi về ngủ. Nằm bên thân thể bầy nhầy thịt, vẫn có mùi thuốc lá thoang thoảng quen thuộc khuôn mặt cũ kỹ. «Sống gần hai năm chẳng có một cái gì ràng buộc hai người cả. Nhiều đêm Quỳnh khóc rất nhiều, nhìn lại Thảo hẳn vẫn ngủ khi. Rồi khuôn mặt cần tròn của tuổi trẻ, đôi mắt non, những vụng về, tích trữ... của Tâm.»

Tôi nghe như có bàn tay của Quỳnh từ sau lưng vòng lại. Tờ báo rơi xuống đất. Những con sâu đo dẫn vào trong ngực, xuống bụng. Tôi rùng mình.

Mùi Santal nhẹ nhàng. Tôi đứng dậy, bước đến giường ngủ. Không biết vì thói quen của mỗi lần đến thăm Quỳnh hay bị động theo những cơn sâu đang di dẫn khắp cơ thể. Quỳnh thở nhẹ. Những ngón tay run run. Tôi như người chết trôi, thân thể bỗng bênh. Quỳnh kéo chặt vai tôi. Tôi thấy bàn tay phải của Quỳnh đang di động về phía bàn nhỏ trên đầu giường như con rắn. Cặp. Chiếc đèn ngủ tắt.

Tôi đốt điều thuốc, cuốn sách như muốn rơi khỏi tay. Bóng tối dày đặc, tôi bước đi một nhọc, rã rời. Tôi đi dọc theo bờ sông để tìm một quán giải khát, nhưng ngọn đèn đứng một mình vàng vọt.

— Cậu ơi xuống dưới ni chơi đi cậu. Bữa ni có mấy cô hay lắm. Tôi không thèm nghe đến giọng khàn khàn của lão Tú Bà. Tôi đi chậm, thật chậm để nghe trong mình như lên cơn sốt. Gió thổi mạnh vào trong áo. « Tâm nhớ đến với tôi nhé — Vàng, tối thứ hai Tâm đến chị ». Tôi giật mình run sợ. Tôi sợ

cối chấn nắn mỗi một như lên cơn sốt sau mỗi bận đến với Quỳnh. Được vài hôm như thế tôi lại thấy nhớ đến Quỳnh, nhất là những ngày cuối tuần, tôi sợ Thảo về rồi mất Quỳnh.

— Tâm đi học về hơi khuya đấy nhé.

— Dạ, Tâm đi làm bài tâm lý với thằng Bảo.

Tôi bật cười. Chị tôi mở cửa cho tôi vào. Căn phòng, ngọn đèn, chiếc giường, mùi Santal. Cứ thế tôi ngủ lúc nào không hay.

Tôi đi bộ từ thư viện dọc theo bờ sông để về cầu Trường Tiền. Hôm nay chị tôi mượn chiếc vélo của tôi đi chơi. Đường Lê Lợi chiều thứ bảy vắng ngắt, những hàng cây long não mọc đứng, đỉnh cây chập vào nhau che nắng cho con đường. Mặt trời xuống bên kia dãy núi, màu hồng của rán mây chiều in bóng xuống mặt sông, sóng gợn lăn tăn. Đi qua cầu Trường Tiền đến phố Hưng Đạo tôi ghé vào Lạc Sơn gọi cà phê đá rồi mua một tờ báo ngồi đọc. Tôi dò

tên mình nơi cột báo lệnh gọi nhập ngũ không có. Tôi gấp tờ báo, thấy mười hai đồng bạc kềm lên bàn rồi đứng dậy. Định quay về nhà nhưng thấy phố còn đông nên tôi trở lại. Học trò ở đây học chăm bao nhiêu đến thứ bảy cũng phải bỏ buổi chiều đi dạo phố, và ciné hay quán kem nghe nhạc. Hè phố chật hơn vì người đi quá đông, tôi lách vào đứng trong rạp hát nhìn ra đường.

— Em trông anh hết sức, sao tuần này anh ra trễ vậy.

Tôi ngoảnh mặt lại và nghe giọng nói của Quỳnh. Quỳnh nắm tay Thảo, Thảo đáp lại :

— Ừ, anh lên xe hồi mười giờ mà đến bốn giờ mới tới đây, xe phải tăng-bo qua cầu, phà.

— Dạo này đi xe ghê quá, bị giật mình hoài.

Tôi dẩu mặt vào đám đông sợ Quỳnh thấy. Đợi hai người đi qua rồi tôi quay lại nhìn họ rồi bỏ đi. Tôi đi nhanh hơn về nhà. Nhưng về làm gì — « Tâm ơi, Quỳnh không quên

Tâm được, chị vẫn mong Tâm đến, Tâm đừng làm cho tôi khổ, tôi yêu Tâm. Chỉ có Tâm mới làm cho tôi tự chống đỡ lấy cuộc sống của mình, Thảo đã bỏ tôi cô độc suốt gần hai năm nhưng tôi yêu Thảo trong nghĩa vợ chồng, mặc dầu Thảo không cho tôi được những gì ân ái dù là một đứa con. Hấn bị impuis-sant từ lâu. Tâm đừng quên tôi ». Đèn phố đã lên. Gần tám giờ tối. Tôi đi dọc theo những trụ đèn ven sông. Bây giờ tự nhiên tôi nhớ Quỳnh. Nhớ từng cảm giác gợn gợn sau gáy, trên môi, trước ngực, mùi santal và căn phòng bé nhỏ.

Ngồi yên trông nhà lễ Phu Văn Lâu, tôi không còn biết mình đang nghĩ gì. Nhìn sự im lìm như đang ngủ bên kia bờ sông giống như sự bình thản của con người, của Quỳnh. Những ngọn đèn sáng đều đặn, bóng cây vươn lên, mặt nước nằm yên. Tất cả như một hoạt cảnh. Nhưng bên trong những thi thể động vật đang chuyển động mạnh. Nghĩ về lời nói của thằng bạn từ Nam ra thăm xứ



Huế thể mà đứng : « con gái Huế của mấy có cái nón bài thơ rộng vành quá, che khuất cả bản ngã phận gái ». Một cặp nhân tình nào đó cười to làm tôi giật mình. Thằng con trai dựa người vào tấm bia đá kéo đứa con gái vào lòng, Tôi còn nhớ ngày nhỏ đi qua đây ba tôi thường nhắc lại chuyện xưa và cái bia đá đó. Ngày xưa bất cứ ai khi đi qua Phu

văn Lâu đến phải xuống ngựa. Đó là lệnh của vua có khắc lên bia rõ ràng. Tôi cúi xuống nhặt hòn gạch bề rồi ném thật xa. Đứa con gái buông tay gã nhân tình rồi nhìn trời. Tôi mỉm cười đứng dậy. Gió từ sông thổi mạnh. Tôi đi học theo bờ sông tìm lão Tú Bà đêm qua.



★ Một tảng đá già 4 năm.

Gia nã Đại, Hy Lạp hay Ai-Cập xưa cũng có một nền văn minh kỳ cựu.

Người ta vừa phát giác ra những di-tích của dân da đỏ trong những cuộc di dân vĩ đại từ Bắc xuống Nam không biết từ thời xa xưa nào. Di tích được các nhà « Khảo cứu về tiền sử » chú ý nhất là một khối đá Hoa cương ( granite ) nặng 400 tấn nằm gần đô thị Elbow trên bờ con sông Saskatchewan. Khối đá giống hình một con trâu, đường kính 25 th. và giá độ 4 ngàn triệu năm.

Cách đây 300 năm, dân da đỏ Plains - Cress chuyên nghề săn trâu đã dùng tảng đá này để cúng tế cầu may. Ngày nay, vùng này sắp kiến thiết một con đập thủy điện lớn, có lẽ khối đá sẽ bị chìm hẳn dưới đáy đập.

Nhưng mới đây, muốn bảo vệ di tích xưa, Giáo sư Z. Pohorecky, tại Viện Đại học Saskatoon trú tình cùng số sinh viên ông, sẽ dời tảng đá đi nơi khác, và sẽ được đặt trên 1 đàn sắt, để trên một số toa xe lửa trần, độ 80 bánh xe mới chịu đựng nổi sức nặng kia.



mộng du

*Cánh hồng em đêm cao sáng*

*Bằng đôi mắt tục ngữ ngàn mộng du*

*Từ con nước vương sa mù*

*Em ngời thân tượng anh ru giấc nồng.*

đêm và tình nhân

*Người về giặt lụa bên trời*

*Đêm nghe cất tiếng giọng hời xa xăm*

*Kìa con phố thị im nằm*

*Bóng đom đóm tụ buồn cảm lạnh hồn*

*Giấc đời gục mặt van lơn*

*Nửa ôm cơn mộng, nửa hôn gió trăng*

★ TÔNG-MINH-PHỤNG

# TUẤN,

**CHÀNG**

**TRAI**

**NƯỚC VIỆT**

★ NGUYỄN-VỸ

(Tiếp theo PT 193)

**K** Í N H và Chất thuộc về loại đảng viên cường tin có đầu óc ngoan cố của Cộng Sản Bắc Kỳ, học thức không có bao nhiêu, và uy tín chẳng được mấy cả đối với giới bình dân và lao động.

Sau khi phong trào Mặt Trận Bình Dân sụp đổ, đảng Cộng Sản rút lui vào bóng tối, thì bọn Kinh, Chất, Khuất duy Tiến, Đào Duy Kỳ... ( em ruột

Đào Duy Anh), v.v... không còn hoạt động gì nữa. Gặp anh em các đảng phái Quốc gia, bọn họ tỏ vẻ vồn vã thân thiện hơn trước. Nhưng họ vẫn xa lánh mấy người mà họ cho là thuộc nhóm « Đệ tứ » của Huỳnh văn Phương. Nhất là « nhóm Nguyễn Uyển Diễm », độ vài ba người nhỏ học, bị đảng viên « Đệ tam » tẩy chay và khinh bỉ ra mặt.

Đặng-xuân-Khu nhẩy vào Hội Truyền Bá Quốc Ngữ mà Hội Trưởng là Ô. Nguyễn văn Tố, nhà học giả thuần túy Việt Nam luôn luôn mặc áo dài trắng, chít khăn đen, che dù. Đặng Xuân Khu hoạt động mạnh trong khu vực Hà Nội, với tư cách giáo viên. Tuổi 30, thấp như Trương Tửu, khuôn mặt nà nà giống Võ nguyên-Giáp nhất là lúc anh cười, Khu chưa đỗ bằng Thành chung. Giáp tiếp tục giảng trường Thăng Long, với Đặng Thái Mai, Hoàng minh Giám. Trần huy Liệu viết báo lảng nhãng kiếm tiền nuôi cả một gia đình đông đúc, nghèo « sát ván » ở phố Hàng-Thần, gồm một bà vợ

## TUẤN CHÀNG TRAI

« nhà quê » buôn thúng bán mẹt ở chợ Đồng Xuân, và một bầy con đến 7, 8 đứa, mũi giải lòng thông, áo quần rách rưới. Thường gặp Tuấn. Liệu than phiền tình cảnh gia đình của anh, mà « Đẳng » chả giúp được gì cả.

Các đảng quốc gia vẫn chìm trong bóng tối hoàn toàn. Nhược điểm của các phái cách mạng Quốc gia là không có hậu thuẫn của quảng đại quần chúng. Một phần lớn thợ thuyền, binh dân lao công các giới, hoặc đã nghe theo lời tuyên truyền của cộng sản, làm đảng viên, hoặc cảm tình viên, hoặc đứng ở ngoài. Không tham gia phong trào. Các đảng cách mạng quốc gia chỉ tìm đồng chí trong các giới trí thức tiểu tư sản, hoặc công tư chức trung lưu, nhưng rất ít. Vì các giới này nhút nhát, sợ liên lụy, tù tội. Cuộc khởi nghĩa thất bại của Nguyễn Thái Học năm 1929 - 30, và cuộc xử tử 13 đồng chí V. N. Q. D. Đ ở Yên Bái có ảnh hưởng trực tiếp đến tinh thần nhút nhát, cầu an của các lớp thượng lưu và trung lưu Bắc, Trung, Nam. Sinh viên « Cao đẳng Đông-Dương » Université Indochinoise, thì không thành vấn đề. Lớp có tinh thần cách mạng 1924-25 đã qua rồi. Lớp kế tiếp bây giờ hoàn toàn thụ

động, chỉ lo cầu danh, đua nhau học thi, đề ralam « tham tá ». « Y-sĩ Đông dương », « đốc học », Tri huyện, v.v... đề phục vụ cho Bảo-hộ và Nam Triều. Trừ một vài phần tử cách mạng thận trọng hoạt động ngoài phạm vi học đường, còn thì toàn thể xã hội trí thức, cũng như binh dân đều thích sống an bài, thụ hưởng ân huệ của sự hiện diện của người Pháp ở Đông Dương mà đại đa số còn theo nịnh bợ. Tinh hình tổng quát của báo chí và văn nghệ cũng trầm lắng, nhưng vẫn theo dõi sát những biến chuyển khá sôi động ở Tây-Áu. Một số người Pháp có tinh thần chống thực dân Pháp, và đã tỏ ra thân An Nam một cách khi khái đáng khen, bây giờ cũng chầm dứt, hoặc giảm bớt những hành động báo chí của họ.

Amédée Clémentis, chủ nhiệm báo « L'Argus Indochinois », một tờ báo hoàn toàn chống thực dân Pháp, đã đình bản tờ báo của ông. Sau khi thất bại việc đi tìm mỏ vàng ở Savannakhet với nhà văn Ng-văn-Vĩnh, chủ báo L'Annam Nouveau và ông Vĩnh chết trong cuộc phiêu lưu mạo hiểm này, Clémentis thất vọng trở về Thái Bình.



sống nơi quê vợ, với người vợ «An Nam» của ông, một nữ giáo sư rất giỏi tiếng Pháp và cũng là một cộng sự viên rất đắc lực của ông.

Thỉnh thoảng Tuấn gặp Clémentis ở Hà-Nội, người thấp gầy, nghiện thuốc phiện, nhưng cặp mắt sáng quắc với nụ cười luôn luôn mỉa mai. Một hôm thấy ông lết bộ trước chợ Hàng Da, Tuấn chưa kịp chào, ông đã nhanh bước đến bắt tay Tuấn :

— Uả, anh ở nhà-pha ra bao giờ ?

— Ra lâu rồi.

— Coi chừng, sẽ trở vào nhà pha nữa nhé.

Tuấn nhún vai :

— Bất cần, Còn anh ? Đạo này con chim «L'Argus» không hồi sinh từ đồng tro tàn của nó nữa à ? ( 1 )

Với một khoác tay thất vọng, ông bảo :

— Đề nó chết yên tĩnh. Nó sống đã khá nhiều rồi.

1) Theo Thần-thoại, Tây phương, l'Argus là con chim trĩ, bị đốt chết thành tro vẫn tái hiện từ đồng tro ấy và sống lại.

— Bây giờ anh ở đâu ?

— Tôi cây ruộng ở quê vợ tôi.

Tuấn cười :

— Được mùa không ?

— Lúa nhiều, nhưng thuê cũng nhiều. Còn anh, sống được chứ ?

— Luôn luôn không có xu dính túi.

— Sao anh không về quê tạm một thời gian ?

— Tôi còn trẻ, còn thích sống phiêu lưu.

Clémentis, tóc đã bạc, gần 50 tuổi, vỗ vai Tuấn, và mỉm cười :

— Thôi, chào anh, thi sĩ. Anh cứ đi con đường của anh ! (Allez Adieu, poète ! Faites votre chemin) !

Tuấn nhớ mãi câu vĩnh biệt và nụ cười chán đời của ông Tây già. Từ hôm đó, Tuấn không gặp ông Cựu Chủ nhiệm báo L'Argus Indochinois nữa. Sau Tuấn nghe nói ông bị Việt-Minh giết ở Thái-Bình, năm 1946, với người vợ của ông. Được tin, Tuấn buồn ghê, Tuấn phần uất không hiểu vì sao Việt-Minh Cộng sản giết Amédée Clémentis ?

Tuấn ? Tuy là người Pháp, nhưng suốt một đời làm báo của ông, ông đã hy sinh tất cả để chống chính sách đế quốc thực dân Pháp, chống áp chế, nô lệ, bất công, triệt để bênh vực các cuộc vận-động độc lập của người Việt Nam, chủ trương một nước Việt Nam hoàn toàn tự chủ, tự cường.

Amédée Clémentis là kẻ thù số 1 của Mật Thám Pháp, của tất cả những người Pháp thực dân, là bạn thân của tất cả những người Việt Nam cách mạng, yêu Nước, là người bênh vực hăng hái nhất và can đảm nhất cho Nguyễn-Thái Học, Phan bội Châu, Phan chu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Ngô đức Kế,

Tại sao Cộng Sản giết Clémentis ? Tại sao ? Vô nguyên Giáp cũng là một người bạn thân của Clémentis, chính Giáp và Đặng-thái Mai phục Clémentis nhất trong thời kỳ Mặt Trận Bình Dân, chính hai người này đề nghị đưa Clémentis lên ghế chủ tịch « Đại Hội Đông Dương » — Congrès Indochinois, — do các đảng cách mạng thành lập ở Hà Nội, năm 1937.

Nghe tin Việt Minh thủ tiêu Amédée Clémentis cùng một lúc với những bạn văn nghệ khác của Tuấn, như Lan Khai, Khải Hưng và những bạn cách mạng như Vũ đình Dy, Nhượng Tống, Tuấn tức giận mây người Cộng Sản lắm. Tuấn nhất định ghi lòng phần nợ ấy trong các tác phẩm của Tuấn để chứng tích lại cho các thế hệ sau, và đề tố cáo trước Lịch sử.

Một tờ báo khác, — nguyệt-san — tập Revue Franco Annamite (Pháp Việt tạp chí) của ông già Ernest Babut cũng đính bản. Ông này là người đảng Xã hội S.F.I.O. Pháp, đồng chí với Marius Noutet, Léon Blum.v.v... Nhưng ông vừa chống thực dân Pháp vừa lãnh tiền trợ cấp hàng tháng của Phủ Toàn quyền (chính phủ thuộc địa của thực dân). Ông đã gây được thiện cảm một phần nào của các giới cách mạng Việt Nam, nhưng họ vẫn dè dặt đối với ông. Vì những nhà ái quốc cách mạng chân chính đều biết rằng từ Léon Blum, Moutet, đến Babut, «đảng Xã Hội» Pháp vẫn luôn luôn đi hàng hai, vừa bắt tay C.S, vừa bắt tay Tư-bản, vừa ủng hộ để

quốc thực dân vừa ủng hộ dân chúng thuộc địa.

Chính sách điền hình của đảng Xã hội Pháp được chứng minh rõ rệt nhất khi Hồ chí Minh nắm chánh quyền ở Hà Nội và Marius Moutet làm Tổng trưởng Pháp quốc Hải ngoại (thuộc địa) ở Paris — Một mặt Moutet ký tạm ước Modusvivendi cho « V.N độc lập trong L.H. Pháp » (vẫn còn bám lấy Liên Hiệp Pháp cho kỹ được, theo điển văn Brazzaville của De Gaulle tháng 3-1945) một mặt chủ trương đánh Hồ chí Minh và chiếm lại Hà nội (19-12-1946).

Ông già Ernest Babut thường nói với Tuấn, và Tuấn không bao giờ quên được câu này :

— Nước An-Nam là một nước nhỏ và yếu, lại có hai người láng giềng to và mạnh : Trung Hoa và Nhật Bản. Vậy, giữa Trung Hoa và Pháp, các anh phải chọn người Pháp. Giữa Nhật bản và Pháp, các anh cũng phải chọn người Pháp. Nếu người An Nam đuổi người Pháp ra khỏi xứ này, thì 24 giờ sau, làn sóng Tàu, hay là làn sóng Nhật, sẽ tràn ngập An Nam, và các anh sẽ bị chết chìm hết.

Đó là lời nói của một đảng viên có uy tín nhất của đảng xã hội Pháp ở Đông Dương. Tuấn hỏi lại ông Babut :

— Nếu vậy thì theo ông, không bao giờ nước An-Nam được độc lập ?

Ông Babut gật đầu hai ba cái :

— Si ! Si !... Có chứ ! Có chứ ! Nhưng có là khi nào nước An Nam sẽ có đủ điều kiện độc lập, và với sự giúp đỡ của Pháp. Vì các anh phải coi chừng, kẻo các anh sẽ làm mồi hoặc là cho bọn phát xít Nhật, Tàu, hoặc là cho bọn Cộng sản Nga.

Tuấn không công khai phản đối ông Babut, nhưng trong thâm tâm cho rằng đó là chủ trương của thực dân. Tại toà báo Franco-Annamite Tuấn cũng thường tiếp xúc với Vũ ngọc Phan. Vũ ngọc Phan là rể của ông Sở Cường Lê Dư. Ông này người lùn và mập, sói đầu, quê ở Quảng Nam. Thời phong trào Đông Du, ông có sang Nhật Bản theo cụ Phan bội Châu làm cách mạng. Nhưng rồi ông lên trở về Hà Nội đầu hàng Pháp, và được Phủ Toàn Quyền Pháp cho giúp việc trong trường Viễn Đông Bác Cổ (Ecole Francaise d'Extrême-Orient).

Vũ ngọc Phan, đồ tú tài xong, người ốm yếu, mảnh khảnh, được ông bố vợ Lê Dư giới thiệu vào làm thư ký toà soạn Pháp Việt tạp chí. Ông Babut giao cho Vũ ngọc Phan phụ trách phụ trang Việt Ngữ.

Vũ ngọc Phan không thích chỉnh trị, và tuyệt nhiên không có tham gia một phong trào cách mạng nào cả. Anh chuyên môn dịch một vài tác phẩm ngoại ngữ : Anna Karénine, Manon Lescaut, v.v., Anh cũng viết mục « Phê bình » văn nghệ, do nơi đây mà Tuấn quen biết Vũ ngọc Phan. Anh có người vợ khá đẹp (con gái ông Lê Dư), thỉnh thoảng làm vài bài thơ cổ điển nhưng ít đăng báo. Có lần Tuấn hỏi :

— Sao chị không xuất bản tập thơ của chị ?

Chị trả lời, với một nụ cười rất hồn nhiên :

— Tôi làm thơ amateur (1) (1) theo lối tài tử.



### \* Danh Ngôn

*La parole est d'argent, le silence est d'or.*  
(Lời nói là bạc, im lặng là vàng)

TỤC NGŨ PHÁP

chơi cho vui, chó dâu phải thả sĩ như các anh.

Thơ chị giống như món nữ trang của chị, óng ánh, duyên dáng, dễ thương, độ năm ba bài chó không nhiều.

Vũ ngọc Phan có một người em trai, Vũ minh Thiều, di cư vào Saigon năm 1954. Anh Thiều cũng mảnh khảnh, có gương mặt na ná giống Vũ ngọc Phan và cũng như Phan, có sở trường về dịch sách và truyện ngoại quốc bằng Pháp văn.

Tháng 12 năm 1947, Tuấn rất ngạc nhiên gặp ông Ernest Babut tại Đà Lạt, ông đã 80 tuổi. Ông kể lại tỉ mỉ cho Tuấn nghe ông ở với ông Hồ chí Minh tại phủ Chủ tịch (Phủ Thống sứ cũ) năm 1946, như thế nào, và bị lính Pháp của Sainteny bắt ông như thế nào lúc ông trốn dưới hầm... ông bảo :

(còn tiếp)



MÌNH ƠI !

tại sao có

# CHIẾN-TRANH Do-Thái

Ai -  
CẬP  
?

NGƯỜI HÙNG

DO-THÁI :

Đại-tướng

MOSHE

DAYAN



MÌNH ƠI !

- Ơi.

- Nước Do Thái ở đâu, hả mình ?

- Ở Trung Đông.

- Trung Đông là ở đâu ?

- Kể từ mặt trời mọc là hướng Đông, gọi là Đông Á, đi ngược lên hướng Tây thì Phi luật Tân, Nhật, Tàu, Việt Nam. Thái Lan, Ấn độ, là VIỄN ĐÔNG (tiếng Anh là FAR-EAST); các xứ Afgams.tan, Ba Tư, Irak là CẬN ĐÔNG (NEAR-EAST) các xứ Syrie, Jordanie, Liban, và Do Thái, là TRUNG ĐÔNG (Middle-East) tiếng A Rập gọi là AL-CHARQ AL ADNĀ. Trung Đông giáp với Thổ nhĩ Kỳ và Địa Trung Hải thuộc về Nam Âu châu.

- Ai cập ở đâu ?

- Ai cập ở Bắc và Đông Phi Châu, phía Bắc giáp địa Trung Hải, phía Đông giáp Hồng Hải và Do Thái, Jordanie (Trung Đông).

- Mình vẽ bản đồ Do Thái và Ai cập cho em xem.

- Đây, Bản đồ số 1.

- Thế tại sao Do Thái và Ai Cập đánh nhau ? Và nhiều nước khác : Syrie, Liban, Jordanie,

Tunisie, Algérie, Maroc, cũng theo hùa với Ai Cập để đánh một nước Do Thái bé tí xiu thế này là nghĩa làm sao, hả Minh ?

- Nguyên nhân sâu xa của chiến tranh Trung Đông, có thể nói là nguyên nhân lịch sử của nó, là vấn đề TÔN GIÁO và quyền lợi sinh tồn. Tất cả những cơ khác gây thành động cơ chiến tranh giữa Do Thái và Ai Cập với các nước A.Rập khác, đều chỉ là phụ thuộc. Những nước em vừa kể trên đều là những quốc gia Hồi Giáo theo cổ truyền lịch sử của đạo Hồi hồi (MUSULMANS, hay là MAHOMÉTANS. Giáo chủ của họ là Đức MAHOMET, thờ ở Thánh Địa JÉRUSALEM). Chỉ riêng có mỗi một nước ISRAEL là theo đạo Do Thái, mà thôi, (JUDAISME). Họ thuộc về giòng giống Do Thái. Hai tôn giáo ấy, từ nguyên thủy, vẫn là hai kẻ thù « không đội trời chung ».

Mối thù của những dân tộc A Rập (dân tộc theo Hồi giáo) căm tức và ghét độc ghét địa dân Do Thái, càng tăng lên quyết liệt từ sau Đệ nhị Thế Chiến. Nói đúng hơn là từ năm 1948, mà quốc gia Israel (Do Thái) được thành



lập. Ngay lúc thành lập quốc gia Do Thái, đã có đưng độ kịch liệt rồi giữa Do Thái và A Rập và vấn đề tranh chấp đồ máu đó đã phải đem ra trước Hội Đồng Liên Hiệp Quốc.

— Em không hiểu. Thế ra nước Do Thái mới thành lập năm 1948, nghĩa là mới 20 năm thôi? Vậy chớ trước đó dân Do Thái ở đâu? Tại sao người A Rập căm thù họ?

— Lịch sử Do Thái dài lắm và nguồn gốc lịch sử ấy đã được nói đến nhiều lắm trong Thánh Kinh (Bible) của Thiên Chúa Giáo (Cựu Ước). Chỉ nên biết rằng dân tộc Do Thái đã có cùng một lượt với thời Hồng Bàng, Lạc-Long-quân, lập quốc ở xứ ta, nghĩa là trước Jésus Christ trên 2000 năm. Có thể nói rằng dân tộc Do Thái xuất hiện trên quả đất này cùng một thời kỳ với dân tộc Giao Chỉ, nguồn gốc của dân tộc Việt Nam hiện tại.

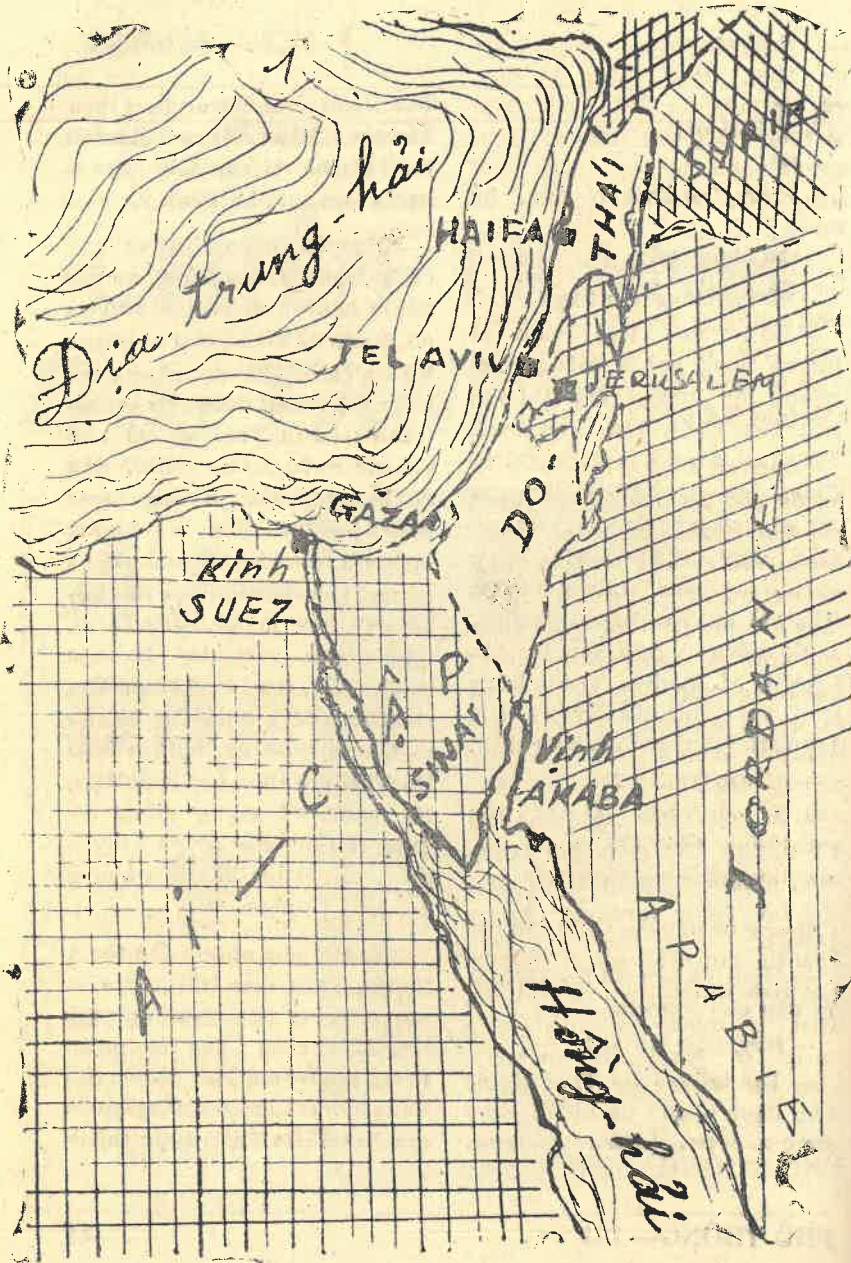
Nhưng từ nguyên thủy dân Do Thái tụ họp rồi tan rã không biết bao nhiêu lần. Chính Do Thái là dòng dõi chúa Jésus Christ, ở Nazareth (Nazareth hiện giờ vẫn còn là 1 thành

phố nhỏ của quốc gia Do Thái). Jésus Christ vẫn được gọi là vua của dân Do Thái. Từ Thượng cổ dân tộc Do Thái cứ bị các dân tộc khác ở Trung Đông đánh phá hoại, và xâm chiếm, cai trị.

Cho đến thời Jésus Nazareth ra đời, nước Do Thái đã bị La Mã đô hộ, dưới triều đại César. Thánh thất JÉRUSALEM do vua Do Thái SALOMON xây cất ( vào khoảng 950 năm trước J. C. ), bị Đại Tướng La Mã POMPÉE chiếm đóng, năm 63 trước J. C. Nước Do Thái thì bị các nước khác chia xẻ từng mảnh, nhất là bị Ba Tư, Hy Lạp và La Mã. Lúc JÉSUS CHRIST giáng sinh tại Bethléem, Do Thái chỉ còn một tỉnh nhỏ, là PALESTINE. JÉSUS chết năm 30, bị viên Thái thú La Mã là Ponce Pilate truyền lệnh đóng đinh trên cây Thập Tự.

Năm 66 sau J. C., dân Do Thái khởi nghĩa, bị Thái thú La Mã là TITUS đàn áp, và chiếm thành Jérusalem, kinh đô tỉnh Palestine của Do Thái, năm 70.

Năm 132 sau J. C. dân Do Thái lại khởi nghĩa lần nữa, bị hoàng đế La Mã, HADRIEN, tiêu diệt,





biển kinh đô Jéusalem và nước Do Thái thành thuộc địa La Mã. Trong thời gian 3 năm, 132 — 135 sau J. C., dân tộc Do Thái trốn đi tản mác các nơi. Một số ít người Do Thái còn sống sót ở lại đều bị bắt đê bán làm nô lệ cho các gia đình quý tộc của La Mã.

Người Do Thái bị mất hết công quyền, cho đến đời bị cấm đến gần Jéusalem.

Nên nhớ một điểm quan trọng là theo Cựu Ước (Thánh kinh) Chúa hứa đê dành đất Canaan (tức là PALESTINE) cho dân tộc của Ngài, tức là dân tộc Do Thái. Cho nên Palestine (nay là Israel, đất Do Thái) đưọc gọi là ƯỚC ĐỊA (Terre Promise), là đất của Chúa hứa cho dân Do Thái. Nhưng La Mã cũng như các dân tộc Hồi giáo không đếm xỉa đến điểm đó.

— Minh à, thế là từ năm 132-135 sau J. C., dân tộc Do Thái bị tiêu diệt một phần, một phần bị bán làm nô lệ, một phần trốn đi tản mác các nơi, rồi làm sao họ tụ họp lại đưọc ngày nay thành quốc gia Do Thái ?

— Người Do Thái có đức tính thông minh kiên nhẫn lạ lùng. Lịch Sử Do Thái đã chứng tỏ dân tộc Do Thái có một sức quật khởi mau chóng, phi thường, sau mỗi lần diệt vong. Sức tin tưởng của họ vào tương lai quy tụ về Đất Mẹ dù đã chịu bao nhiêu thử thách vẫn không hề nào núng. Trái lại. San cuộc di cư phân tán khắp nơi thành những đoàn người vong quốc, nhiều phần tử Do Thái đi sinh hoạt các nơi xa, gom góp đưọc mớ tiền dư dật, bèn rủ nhau trở về Palestine lập lại thành thôn, xóm. Lợi dụng mọi cuộc biến đổi tình hình chính trị ở Trung Đông, hễ có cơ hội thuận tiện là người Do Thái quay về. Cha chết thì còn con, cháu, chít, thế hệ này không đưọc thì thế hệ sau, dần dần một số đông Do Thái thực hiện đưọc cái mộng trở về Ước Địa, Palestine, mà Chúa đã hứa đê dành cho dân tộc Hébreux ( Hébreux, hay là Juifs, là những danh từ đã có trong Thánh Kinh, chỉ dân Do Thái ). Hồi hương về Palestine, họ lập ra những hiệp hội, như « Les Amants de Sion » ( những người yêu của dòng giống Do Thái ), với sự

đóng góp mạnh mẽ của các đoàn thể Do Thái di cư trên khắp mặt địa cầu.

Từ năm 1870 đến 1896, họ lập ra đưọc 17 « đồn điền nông thôn » ở ngay trên đất cũ của họ ở Palestine.

Một cậu bé Đ.T. mở cõi cha mẹ lúc 12 tuổi, đi lang thang qua nước Đức, làm nghề đổi bạc, Tên cậu là Edmond de Rothschild. Cậu xin vào quốc tịch Đức, và lần hồi trở nên triệu phú, tỷ phú, học giỏi có tài hoa về thương mại, đưọc vua Đức cho làm Nam tước, tạo lập đưọc một sự nghiệp vĩ đại và một dòng quý tộc nổi danh ở Đức và ở khắp thế giới. Từ năm 1887 đến năm 1899, trong khoảng 12 năm đó Nam tước Edmond de Rothschild dân Đức gốc Do Thái, lập ngay trên đất Palestine, quê hương Do Thái, hai HIỆP HỘI NÔNG DÂN DO THÁI ở EQRON, và ở RICHON-EE ZION, gồm có mấy ngàn người Do Thái hồi hương từ các phương xa về, do tiền trợ cấp hoàn toàn và đầy đủ của Nam-tước.

ĐẠI HỘI NGHỊ DO THÁI lần đầu tiên đưọc họp tại Bâle ( Thụy

Sĩ) ngày 3-9-1897, do giáo sư Do Thái THEODORHELZL triệu tập, đã tuyên bố :

— « Trong 50 năm nữa, chúng ta sẽ thành lập Quốc-gia Do Thái. »

Thế giới không ai ngờ lời báo trước từ năm 1897 đã thực hiện đúng 50 năm sau, là năm 1947 !

Chỉ khi anh hùng quật khởi của người Do Thái làm cho thế giới kinh hoàng và kính phục, từ đó. Ngay trong cuộc Đại hội Nghị ấy đưọc thành lập « QUỐC GIA NGÂN HÀNG DO THÁI » (Banque Nationale Juive) và NGÂN KHỐ QUỐC GIA DO THÁI (Fonds National Juif) hai cơ quan tài chánh vĩ đại nhất thế giới mà sáng lập viên toàn là những đại tỷ phú Do Thái lập nghiệp rải rác ở các kinh đô Âu-Mỹ ! Đại Hội nghị Do Thái ở Bâle tuyên bố mục đích của hai cơ quan đầu não kia là : « Xây dựng một Tổ quốc Do Thái cho tất cả những dân Do Thái di cư tản mác khắp hoàn cầu, không muốn cư ngụ tại các nơi ngoại quốc, về lập nghiệp tại quê nhà, do hai cơ quan kia đài thọ tất cả phí tổn hồi hương, và trợ cấp

tất cả vốn liếng để mở mang sự nghiệp ».

Thật là một gương hy sinh và đoàn kết huynh đệ độc nhất vô nhị của loài người.

Đồng thời trong kỳ Đệ nhất Thế chiến, nhà đại chỉ sĩ Do Thái CHAIM WEIZMANN kỹ sư Hóa học ở Genève, vận động ngoại giao khôn khéo với các cường quốc Âu Mỹ được chính thức công nhận rằng: « Dân tộc Do Thái được quyền thành lập một Trung tâm quốc gia trên Ước Địa (Palestine) Hội Vạn quốc JS.D.N. Société des Nations) trao cho nước Anh trách nhiệm bảo vệ quyền lợi của nhóm Do Thái ấy. Nhóm này được đặt một văn phòng Đại diện Do Thái (Agence (uive) thường trực bên cạnh chính phủ Hoàng gia Anh, như một cơ quan Lãnh sự ». (Bản tuyên ngôn Belfour ngày, 2-11-1917).

Do sự vận động ráo riết và thành công của các lãnh tụ Do Thái như đã nói trên; và hai quyết định trên đây của Hội Vạn Quốc (1); dân Do-Thái di cư tâu mác khắp nơi Âu Mỹ từ mấy thế kỷ bây giờ được dịp hồi

hương, kéo nhau lũ lượt trở về quê cha Đất tổ, xây dựng lại xứ sở Palestine.

Kể đến việc HITLER lên nắm chánh quyền ở Đức, thi hành chánh sách « diệt Do Thái ». Kiêu dân Do Thái, dù là Do Thái đã nhập quốc tịch. Đức từ bốn năm đời, vẫn chịu chung số phận, bị đàn áp, hành hạ, bắt bớ, đánh đập vô cớ tàn nhẫn. Những danh nhân Do Thái Đức, những bậc tài hoa nổi tiếng khắp thế giới, như MARLENE DIETRICH (mình tinh mẫn ảnh), ALBERT EINSTEIN (Bác học). v.v.. đều bỏ xứ, trốn qua Mỹ, Anh, Gia-nã-Đại. Một số rất đông trở về Palestine. Một số khác đã lập nghiệp mấy đời ở Pháp, Bỉ, Ý, và đã trở thành công dân hồn xứ cũng bán hết nhà cửa và sự nghiệp vĩ đại cùng vợ con cuốn gói trở về Ước Địa.

Nhưng trước phong trào hồi hương càng ngày càng đông của

(1) Hội Vạn Quốc — S.D.N. — hồi Đệ nhất thế chiến, tức là Liên Hiệp Quốc, — O.N.U. — sau Đệ nhị thế chiến.

Do Thái, dân chúng A-Rập phản ứng mãnh liệt, và nhiều cuộc chém giết đã xảy ra hằng ngày. Trong thời gian hai ngàn năm Do Thái bị xua đuổi, phiêu lưu khắp mặt Địa-cầu, người A Rập lần lượt xâm nhập đất Do Thái và chiếm cứ luôn. Bây giờ Do Thái trở về, đuổi người A Rập đi. Do Thái hồi cư hầu hết là giàu có, mua lại đất, cất lại nhà, mở các xưởng máy, trường học, nhà buôn. Người A Rập bị thua sút về mọi phương diện, nghèo đói, biếng nhác, ít học, chơi bời say sưa, không có lý tưởng, dần dần bị đào thải. Ở đâu có Do Thái trở về, là ở đó A Rập phải nhượng bộ, rút đi. Do đó, có sự căm thù « bất cộng đái thiên » giữa A Rập và Do Thái. Các quốc gia A Rập, Syrie, Liban, Jordanie, Ai Cập... cương quyết chống lại phong trào hồi cư Do Thái. Nhiều cuộc tranh chấp đổ máu đã xảy ra, biến thành tình trạng khủng bố thường xuyên ở khắp vùng Trung Đông. Chính phủ Anh bị bắt buộc phải chặn đứng phong trào hồi cư Do Thái, tháng 3-1940.

Do Thái, tuy chưa có chánh

phủ chính thức, chưa thành một quốc gia, nhưng đã tổ chức thành bộ đội, được huấn luyện đêm ngày, đầy đủ khí giới. Sĩ quan tài giỏi của Do Thái được đào tạo tại các trường võ bị Âu Mỹ, Đức, Nga, ngay ở những nước mà họ nhập Quốc-tịch, trong thời gian họ chưa bị khủng bố, trước Đệ nhị thế chiến.

Các cường quốc Âu Châu đã bắt đầu thấy rằng rất có thể có chiến tranh giữa Do Thái và các nước A Rập, nếu để Do Thái trở thành một dân tộc được tổ chức công-khai,

Nhưng phong trào quật cường Do Thái không thể nào diệt trừ được, mặc dầu trước quốc tế họ chưa có một quốc gia thành hình. Hitler, kẻ thù số 1 của Do Thái, tiếp tục khủng bố kiêu dân Do Thái ở Đức, Tiệp Khắc, Áo. Trong thời chiến tranh 6.000.000 (SÁU TRIỆU!) kiêu dân Do Thái ở Âu châu bị Hitler tàn sát dã man. Đàn bà, con nít, người già cả, bị cột từng xâu trời tay chân, quăng vào các lò lửa để chết cháy. Hàng vạn người Do Thái bị vứt xuống biển, hoặc bị thủ tiêu bằng cách



này hay cách khác. Những người Do Thái công chức, quân đội, trung thành với chính phủ Nazi cũng không tránh khỏi ngục tù.

Để đối phó lại chính sách vô nhân đạo ấy, các tổ chức Do Thái đòi chính phủ Anh phải để cho người Do Thái ở khắp thế giới được tự do hồi cư về Palestine. Họ tuyên bố: « Nếu cần, người Do Thái sẽ dùng vũ lực để thực hiện ý nguyện được trở về Đất tổ ».

— Sao lại đòi chính phủ Anh?

— Vì nước Anh đã được Hội Vạn Quốc trao cho nhiệm vụ bảo vệ quyền lợi Do-Thái.

Vì áp lực của khối A-Rập nơi đây nước Anh có nhiều quyền lợi về dầu lửa, tháng 3-1940 chính phủ Anh-hoàng đã ra lệnh cấm các cuộc hồi cư Do Thái, như đã nói lúc nãy.

Nhưng sức phản ứng của Do Thái rất mạnh, quá sự ước đoán của các cường quốc Âu Châu. Hội HAGANAH, một tổ chức Do Thái bảo vệ quyền lợi dân tộc, bắt đầu mở một cuộc CHIẾN TRANH DU KÍCH tại Palestine chống Anh. Quân đội Anh chiếm

đóng ở Palestine bị quân du kích Do Thái đánh tới bời, trên toàn lãnh thổ Do Thái. Đồng thời, hai đảng cách mạng Do Thái quá khích: IRGOUN ZUAI LEUMI, và STERN, phái người đi vận động khắp các nước để đòi cho kỳ được sự thành lập một QUỐC GIA DO THÁI ĐỘC LẬP. Đây là lúc xảy ra vụ EXODUS, mùa hè 1947, (1) làm cả thế giới phải kinh ngạc và bắt buộc Liên Hiệp Quốc phải giải quyết vấn đề Do Thái. Mối căm thù giữa A Rập và Do Thái càng quyết liệt hơn bao giờ hết, trước cao trào hồi cư ào ạt và mãnh liệt của Do Thái, mối đe dọa trực tiếp rất kinh khủng cho các nước A-Rập.

Chính phủ Anh muốn nhượng bộ Do Thái, và tìm đủ các biện pháp để giải hòa A Rập và Do Thái, nhưng không có kết quả. Các nước A Rập muốn đánh Do Thái, tiêu diệt Do Thái, nhưng không đủ sức, vì Do Thái mạnh quá và hung hăng quá, bất chấp cả quân đội Anh và A-Rập. Ngay

(1) Phim chớp bóng EXODUS có diễn lại cuộc phiêu lưu của tàu chiến chở Do Thái hồi cư.

lúc bấy giờ, Do Thái chưa thành quốc gia, chưa có chính phủ, chưa có quân đội chính thức, mà các nước A Rập đã khiếp sợ rồi. Do Thái như con sư tử ở sa mạc, mà A Rập chỉ là con lạc đà. Dù là một đoàn lạc đà A Rập cũng không dám đương đầu với một con sư tử Do Thái!

Kết cuộc, là tháng 11-1947, Liên Hiệp Quốc phải chia đất Palestine thành hai: một quốc gia A Rập, và một quốc gia Do Thái. Riêng thánh địa Jérusalem được đặt chung dưới quyền kiểm soát Quốc-tế, có sự tham



Golda Meyerson

gia của cả hai bên Do Thái và A Rập.

Các quốc gia A Rập không chấp nhận kế hoạch đó, và chiến tranh xảy ra.

Nhân đến lúc nhiệm kỳ bảo hộ của Anh do Liên Hiệp Quốc trao phó sắp chấm dứt ngày 15-5-1948, lúc 0 giờ, toàn dân Do Thái ở Palestine thành lập một « Ủy ban hành chính » gồm 13 nhân viên, hồi tháng 4-1948.

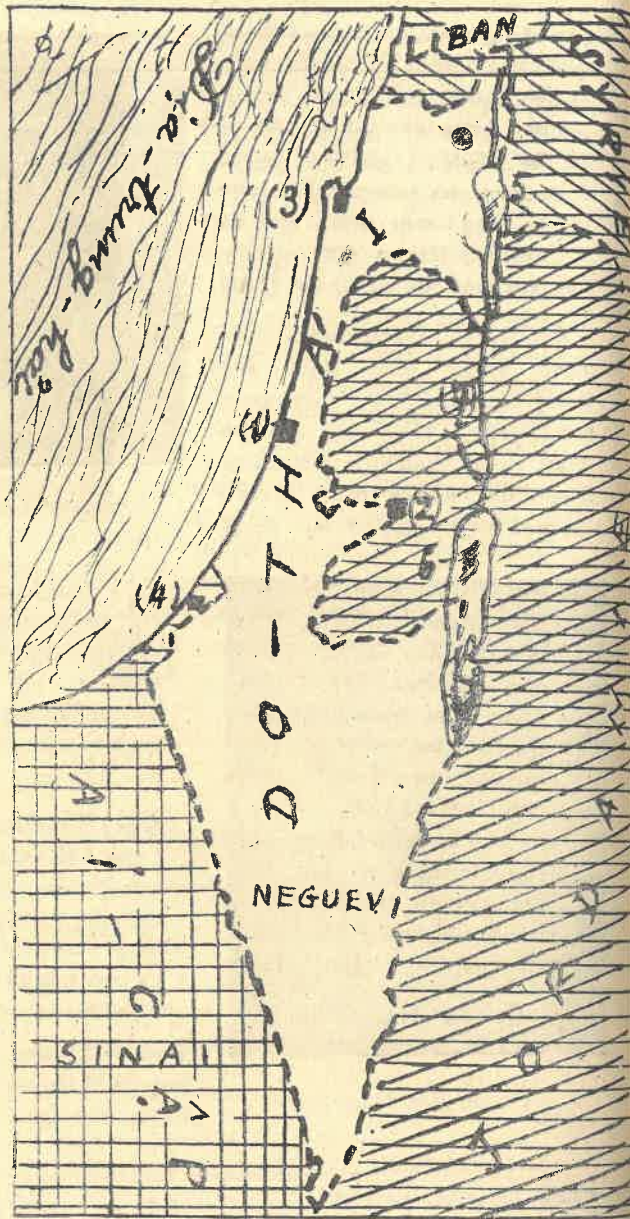
Trong « Ủy ban 13 » này có một phụ nữ đóng vai trò rất quan trọng, vừa ngoại giao, vừa gián



David Ben Gourion



1. Thủ đô TEL AVIV
2. JÉRUSALEM. Thành-địa chung của Hồi-Giáo. (A-Rập), Do Thái, và Thiên Chúa Giáo.
3. Haifa
4. Gaza (của Ai-Cập)
5. Hồ Tibériade
6. Biển Mer-Morte
7. Sông Jourdan



## MÌNH OI !

điệp tài tình, GOLDA MEYERSON Bà là chủ tịch phòng Ngoại giao của Tổng Liên Đoàn Lao Động Do Thái ( HISTADROUT ), nhưng bà thường lãnh nhiệm vụ công tác bí mật ở Hải ngoại. Chính bà đã quyền được trong các giới Do Thái ngoại quốc một số tiền vĩ đại đủ trợ cấp đầy đủ cho tổ chức HAGANA, kháng hiến quân bí mật Do Thái. Bà tham gia rất hăng hái trong công việc thành lập nước Do Thái.

Một ngày trước ngày chấm dứt nhiệm kỳ của Anh, chủ tịch uỷ ban hành chánh, DAVID BEN GOURION, tuyên bố thành lập QUỐC GIA DO THÁI ĐỘC LẬP 14-5-1948. Tức thì, các cường quốc Anh, Mỹ, Nga, Trung Hoa, v.v... Công khai nhìn nhận quốc gia Do Thái, một nước bé nhỏ dân số lúc bấy giờ chỉ có 650.000 người (chưa đến 1 triệu ! ) Và nước bé nhỏ ấy đánh tan các quân đội của các nước A Rập kéo đến khiêu chiến. Đó là cuộc chiến tranh công khai đầu tiên giữa Do Thái và A Rập...

Ủy ban hành chính bầu ông CHAIM WEIZMANN làm TỔNG THỐNG CỘNG HÒA DO THÁI,



*Chaim Weizmann*

ngày 17-2-1949, DAVID BEN GOURION làm Thủ tướng chính phủ.

★  
Nói đến đây, ông Tú sực xem đồng hồ, đã 7 giờ :

— Thôi em ơi, anh phải đi đây... Để hôm khác anh sẽ nói tiếp về chiến tranh Do Thái, A-Rập.

— Mình đi đâu ?

— Anh đi dự đàn-cơ ở Ngọc-Minh-Đài, bên Khánh Hội. Anh đã nhận lời mời của mấy bạn. Nghe nói đêm nay sẽ có Đại Tiên



## MÌNH OI !

Ông Lê văn Duyệt gián-bút làm thơ. Anh muốn đi xem.

— Chó em đi với nhé, Minh ?

— Ừ, em muốn đi thì sửa soạn đi.

— Còn chiến tranh Do-Thái, A Ráp, hôm sau Minh phải nói tiếp cho em nghe chứ ? Hôm nay, Minh đã nói : sự thành lập quốc gia Do Thái, và nguyên nhân chiến tranh A-Ráp, Do Thái. Hôm sau, sẽ nói...

— Hôm sau : 3 lần chiến tranh của lực lượng toàn khối A-ráp tấn công vào lãnh thổ Do Thái, 3 lần đều thất bại thảm. Sẽ nói nhiều chi tiết lý thú về cuộc chiến tranh chớp nhoáng vừa rồi, và cuộc đại thắng phi thường của Do Thái tiêu diệt toàn thể Hải Lục Không Quân Ai-Cập và

Jordanie, Syrie, trong 48 tiếng đồng hồ.

Bà Tú đang mặc áo thì cô Tâm, Hột-Vít-Lộn đẩy cửa bước vào, cười tinh tú :

— Bà Tú có ve đầu cù là cho em mượn, bà Tú. Bà Tú sửa soạn đi đâu đó, bà Tú ?

Bà Tú lấy ve đầu đưa cô Tâm-Cô-Tám ra rồi, bà Tú bảo ông Tú :

— Coi bộ cô Tâm-Hột-Vít-Lộn muốn làm A-ráp xâm lăng vào gia đình nhà này, phải hôn, Minh? Cái con lạc-đà ấy phải liệu hồn, em là con sư-tử Do Thái đây nhé.

Ông Tú cười... Ông Tú chỉ cười.

*Diễn Họa*

### NHÂN VỤ TỔNG TUYỂN CỬ.

#### ● TRẢ LỜI CHUNG CÁC BẠN

Một số bạn đọc ở Saigon và các Tỉnh hỏi tôi « có sửa soạn ra ứng cử trong các cuộc Tổng Tuyển-cử sắp tới không? » Hay là « có phải đang chuẩn bị ra Ứng-cử, như lời đồn không? »

Một số các bạn lại khuyến khích, hoặc thúc giục tôi ra ứng-cử Thượng Hạ Nghị-viện.

Nay xin trả lời chung quý bạn : thưa, tôi không ra ứng cử, bất cứ vào chức-vị nào. Xin cảm ơn quý bạn đã chiếu cố.

★ NGUYỄN-VỸ

## triền miên

### ★ HẢI - ĐĂNG

*Nắng thắm chiều nay ngập phố phường  
Hoa lòng trời dấy phút yêu thương.  
Đèn rung lên tiếng nghe trầm bổng.  
Nẻo mộng năm đây hết vấn vương.*

*Kề trót em nghe chuyện tháng ngày,  
Mầu hoa xanh thắm áo em bay.  
Hồng môi muốn nói nghìn ân ái,  
Thương rồi ai nỡ thương nhớ ai.*

*Phố phường khuya động ngõ hoang-liêu,  
Sao đến bên em ước mộng nhiều.  
Năm tháng ngày xưa tình bỏ ngõ,  
Giờ đây hương thoảng vạn đường yêu.*

*Mây cũng ngừng tôi đứng lại nhìn.  
Gió mang hồn nhạc gọi niềm tin.  
Núi nghiêng mình để nghe tâm sự,  
Đất vọng về đây tiếng hát êm,*

*Xin gửi cho em tình trắng bạc,  
Cho tình xuân dấy ngát mầu hoa.  
Cho hồn sương ẩm trên cung quế.  
Đề tóc em, gọi nước sông Hà...*

*Ngồi lại bên em nói một vài...  
Chuyện dòng sông, đẹp ý tương lai.  
Một bức tranh đời còn dang dở,  
Em đặt thêm vào mấy cánh mai.*

CHÚNG TÔI CHỈ CÓ  
HAI BÀN TAY KHÔNG,  
HAI BÀN TAY HUYNH-ĐỆ  
ĐƯA CHO TẤT CẢ  
NGƯỜI ĐỜI TRONG BỐN BỀ  
VÀ CỦA TẤT CẢ  
CÁC DÂN TỘC

## bức thư PARIS

ngày Phật - Đản

ở

PARIS

● NGUYỄN-VĂN-CỒN

**N** GÀY 21 Mai vừa qua, ở Paris, Hội Phật tử Hải Ngoại (Hội này được Hội Phật giáo ở Saigon chính thức nhìn nhận), đã tổ chức buổi lễ kỷ niệm ngày đức Phật ra đời. Cũng như năm ngoái, buổi lễ cử hành tại phòng « Palais d'Orsay », trên bờ sông Seine, và cũng do thầy Thích - Thiện - Châu chủ tọa.

Khác hơn năm ngoái, năm nay lễ Phật Đản đặt dưới nguyện vọng cầu xin Hoà-Bình cho nước Việt Nam.

Cũng khác hơn năm ngoái, người đến dự (cả Pháp lẫn Việt) phần đông là sinh viên nam nữ.

Tôi nhìn vào phòng, trong số 700 người đến dự, thì hơn 2 phần 3 là bạn trẻ. Tôi cũng nhận thấy có đại diện các sứ quán: Nhật Bản, Nam Dương Quần Đảo, Ceylan, và đại diện các tổ chức tôn giáo, Việt Kiều tại

## BỨC THƯ PARIS

Pháp ( Công giáo, phụ nữ, công nhân, trí thức, sinh viên ).

Năm nay lễ Phật Đản đặt dưới nguyên tắc cầu Hoà Bình cho xứ sở !

Vì thế cho nên những kẻ có « máu mặt » lẫn trốn như thỏ lần mừng năm tháng năm. Họ sợ vì nói « Hoà Bình » sẽ có hại đến họ và gia đình của họ ?

Khốn nạn thay những kẻ suốt đời chỉ biết nghĩ đến quyền lợi nhỏ nhen, và đã xem bao nhiêu ý đẹp, quan niệm nhân đạo nhẹ hơn hồ bao của họ !

Nhưng : « Có cô thì chợ cũng đông,  
Cô đi lấy chồng thì chợ vẫn vui » ;

và lại, các thanh niên năm nay đã trả lời một cách trong trẻo, nhiệt thành, thẳng thắn !

Nhưng sự sợ hãi của mấy người kia đã không cản cứ vào đâu, vì rằng buổi lễ Phật Đản đã hoàn toàn đặt trong nghi lễ cụ thể và trong lòng tin tưởng ở nơi Đức Phật đại Từ Bi, Bác Ái để cầu xin cho Hoà Bình

mau mau được thiết lập tại Việt Nam yêu quý.

Khi Đại đức Thích Thiện Châu và các người giúp lễ quì trước bàn thờ Phật cất tiếng tụng Kinh cầu nguyện Hoà Bình, thì tất cả các người đến dự đều đứng dậy im lặng trong năm phút. Có người cảm bồn Kinh đã phát trước giờ cử lễ tụng Kinh theo, có người hai tay chấp lại quì trước ghế, thành tâm khẩn vái.

Sau đó, thầy Thiện Châu nói « Đức Phật dạy chúng ta biết thương mọi người, không nên tham lam, không nên gian trá, giết người. Cầu nguyện ngài đề đồng bào ta thoát khỏi bao nhiêu đau khổ, đó là tình thương chân chánh. Chính nhờ tình thương đó mà con người thoát khỏi sự sống khô héo, trong ích kỷ. »

Và trong bài trình bày của tôi bằng tiếng Pháp, tôi đã nói :

« Chúng tôi, người theo Đạo Phật, chúng tôi không có vũ khí, không đạn dược, không quân đội ; chúng tôi chỉ có hai bàn tay không, hai bàn tay huynh đệ đưa cho tất cả người đời trong bốn bề và của tất cả các dân



tộc. Vì vậy hành động của chúng tôi là hành động của lý tưởng.

Nhưng hành động này nằm trong liên lạc quốc tế sáng kiến hưởng ứng Hoà Bình tại Việt Nam, như lời hiệu triệu của Đức Giáo Hoàng Paul VI đề cho các tín đồ cầu nguyện Hoà Bình tại các nhà thờ ở Âu-Châu, và các vụ vận động ôn hoà trên thế giới. »

( Nous bouddhistes, nous n'avons ni armes, ni munitions, ni troupes. Nous n'avons que nos mains vides, nos mains fraternelles tendues aux hommes des quatre mers et de toutes les races. C'est pourquoi notre action est une action morale.

Elle se situe, néanmoins, cette action, dans le contexte international des initiatives en faveur de la Paix au Vietnam, comme les prières ordonnées par Sa Sainteté le Pape Paul VI, et les manifestations pacifiques dans les villes de presque tous les pays du monde. »

Khi nhìn những người phụ nữ Việt Nam trong chiếc áo dài kiêu

mỹ lên dâng hương hoa, qu trước tượng đức Phật, tôi sực nhớ đến bao nhiêu đàn bà của dân mình đã hơn hai mươi năm nay luôn luôn cúi mình cầu nguyện cho đất nước bình yên, cho dân mình bớt đau khổ.

Tôi bồi hồi nhớ lại bao gia đình âm thầm chờ đợi người con người chồng, người cha, người em, người cháu ở trận tuyến.

Khi mọi người đã ra khỏi phòng, tôi đứng lại, một mình nhìn lên bàn thờ. Khói lam của hương trầm vẫn còn nghi ngút và pho tượng của đức Phật như đang trầm tư mặc tưởng.

« Phải chăng hơi Đấng Từ Bi Cứu Khổ, đời người là bề khổ, thế sao trong cả muôn vạn, triệu sinh linh trên thế giới này, chỉ có dân tộc Việt Nam chúng tôi là chịu riêng phần đau khổ hơn, và lâu dài hơn các dân tộc khác ?

★

Chiều hôm ấy, khi trở về nhà nhìn chông sách ngỗng ngang, đọc lại mấy trang giấy mới viết xong, tôi sực nhớ đến hai câu thơ của anh bạn xưa kia, anh Tchya ( nay ở Saigon ) :

« Thân thể đau thương, sâu  
túi nhục,  
Tai hoa trở lại tập văn chương »

Nhưng tượng đức Phật đặt trên tủ buffet như muốn nói với tôi : « Chỉ trong sự đau khổ, người ta mới tìm thấy sự giải thoát ! Ví như thân cây, gốc là đau khổ, mà ngọn là giải thoát. Phải tự mình giác ngộ mình trong bến Mê, thì mới có thể mong giác ngộ người khác ! »

Tôi như tỉnh lại, nhìn bên lan can mấy cành hương mới trổ nụ, tôi nghĩ đến những cành xuân ngày mai ở đất Việt.

Tôi sẽ trở về nơi đất ấy, và sẽ nhìn âu yếm những trẻ em Việt Nam, như lúc này, tôi đang nhìn mấy nụ hương.

Lúc đó, khi mái đầu đã bạc sau bao nhiêu năm xa xôi, cách trở, tôi sẽ nhắc lại cho mấy em nhỏ mấy câu thơ tôi viết thuở xưa :

*Pho sách thời gian, chữ  
chữa mò,  
Lần theo dấu cũ tự ban sơ,  
Máu xương kể trước bởi  
sông núi,  
Hình ảnh hiện ngang, dưới  
bóng cờ.*

*Khi phách, hy sinh vạn kỷ  
thờ,  
Hương dâng thành kính, hoa  
dâng thơ,  
Chuông vàng đánh thức  
người thiên cô :  
Thế hệ nay tiền thế hệ xưa »*

● ★



★ Học ngoại ngữ trong giấc ngủ

Những sinh-viên tại viện Hàn-lâm Khoa học Kiev đã thí nghiệm xong một phương pháp học bằng thoi miên.

Sinh viên được thoi miên dễ ngủ trong 6 hay 8 giờ liền, sẽ học được từ 3 đến 400 tiếng của bất kỳ một ngoại ngữ nào. Tuy kết quả rực rỡ như thế, nhưng các nhà bác học không mấy tán đồng. Họ cho rằng phương pháp này có thể nguy hại đến sức khoẻ.

# 9 NGÀY

## ở Trung tâm 3

### tuyên mộ và nhập ngũ

BÚT KÝ

★ NGUYỄN THU MINH

(Tiếp theo P.T. 193)

**Đ**ĨNH nhanh nhẩu cả ngang lời tôi :

— Thôi, đừng có nói đại thế. Sẽ về cả, không ai ở lại thêm ngày nào nữa đâu.

Tôi nhìn Đĩnh hỏi châm biếm :

— Cậu tin chắc như vậy thì chớ nữa hẳn là không cần ra đón người nhà ?

Noãn góp vui :

— Xì Đĩnh cần gì ra, mình với Minh ra thôi.

Và như nhớ tới chuyện gì. Noãn vỗ vào hai túi quần nói tiếp :

— Thế nào trưa nay mình cũng có thuốc lá viện trợ. Hết thuốc, hết cả tiền thì ngủ mất.

Hai anh bạn nằm kề cận nghề vậy liền quay sang nhìn ba chúng tôi mỉm cười :

— Máy ông cần thuốc thì có đây. Hút đỡ vài điếu Ruby đi !

Tôi gật đầu cảm ơn. Đưa tay ra đỡ bao thuốc chia mỗi người một điếu để cùng chung vui khoái cảm hơi thuốc. Sau vài hơi đã thèm, Noãn nhìn lên trần nhà mớ màng :

— Đùng là thèm thuốc hơn thèm ăn.

Tôi quay lại Đĩnh hỏi :

— Còn cậu thế nào ? Tỉnh người chưa ?

Một anh bạn ngồi kề Đĩnh đáp thay :

— Vào đây, tôi không đem theo

## 9 NGÀY Ở TRUNG TÂM 3

gì ngoài thuốc lá. Cứ ngại không có thuốc thì khổ.

Noãn cười thích thú :

— Thuốc là nhất. Nói thế chứ ở Cầu Lạc Bộ cũng có bán.

— Nhưng, đắt quá ! Bao salem ở ngoài bốn chịch, đây bán đến bốn mươi lăm, năm chịch thì tiền đâu chịch nổi.

Tôi đùa :

— Ai bảo mấy ông xài toàn thứ sang làm gì.

Đĩnh vội cải chính :

— Cậu nói thế chứ ghiền lỡ rồi làm sao ? Đỡ nổi là mình chỉ Ruby cũng may !

— May mà Ruby cũng ba mươi lăm chịch không ít.

Đến đây bỗng có tiếng còi tập họp của trung sĩ I Thắm, làm ngưng ngang câu chuyện giữa chúng tôi. Đĩnh đứng dậy giục :

— Nhanh lên mấy ông, kéo người nhà chờ.

Chúng tôi kéo nhau ra sân, đợi lệnh. Tiếng của người trung sĩ già chậm rãi nói :

— Ai chưa ăn cơm thì đi ăn nhanh lên mà ra đón người nhà. Còn ai ăn rồi hãy sắp hàng cho có trật tự mà đi.

Chúng tôi sáu người cùng phòng, đứng thành một hàng để đợi lệnh ra đi. Ai nẩy nhìn nhau cười hề hã, quên cả đau, quên bụng đói, quên cả nắng trưa gay gắt. Noãn thúc nhẹ vào hông tôi, bảo nhỏ :

— Không ăn cũng no !

Tôi nhìn Noãn cười đáp :

— Hôm nay có thịt kho, ngon lắm.

Đĩnh nhìn tôi định nói điều gì nhưng chưa kịp nói ra vì có lệnh của người hướng dẫn bảo im lặng để kiểm soát số người đi thăm.

Trong im lặng đứng thẳng người mới thấy sự gò bó thể xác và cái nắng bùng đầu của buổi trưa. Nắng ôi là nắng ! Đã thế lại còn một nỗi khát nước lẫn mớ tim đến nữa chứ. Tôi búng nhẹ tay Đĩnh :

— Khát nước rồi, cậu ơi !

Đĩnh lắc đầu :

— Cứ ra ngoài trại tiếp tân rồi hãy kiếm nước uống.

Lời nói của Đĩnh chấm dứt đúng lúc có lệnh của hướng dẫn viên cho đi. Tay trong tay, hồn trao hồn như mở hội. Chúng tôi chỉ



muốn chấp cánh mà bay nhanh ra khu tiếp tân để gặp mặt thân nhân sau năm ngày dài không tin tức, phổ xá, người yêu đã bỏ lại đằng sau.

Đường từ trại bắt lựu ra khu tiếp tân xa ngai-ngái và đượm nắng miền Nam gió cát, hòa hơi đất, sỏi vương bước chân di. Những bộ mắt méo mó trước đây bây giờ tan biến đâu mất! Miệng nở nụ cười...

Đến nơi, mỗi chúng tôi chia tay nhau ra đón người thân. Gặp nhau trong lúc này, mới thấy quý giá, thấm thiết vô vàng. Mắt nhìn mặt nghẹn ngào thương nhớ, khó nói nên lời. Mẹ nhìn con, vợ nhìn chồng, con hôn cha tủi tủi, thương thương, say cười ậm cứng.

Bức tranh đời thật vô cùng linh động nơi này!

« Mắt ai cười giở lệ  
Lòng ai buồn héo hon  
Mẹ già trông con  
Xa nhìn dặm-ngái »

Cuộc viếng thăm, gặp gỡ đến hai tiếng đồng hồ giới hạn. Tôi đã để hồn mình ngáy ngất chưa từng có trong đời. Vì tất cả với tôi lúc này là vàng, là ngọc của đam mê, của nuôi tiếc, của bãi hoang khơi động vô cùng mãnh liệt. Một cái hắt

hơi, một tiếng thở dài, một nụ cười, một ánh mắt, một tiếng gọi cha của trẻ thơ, tiếng anh của người vợ, người yêu đều cho tôi nhiều cảm nghĩ xót thương mới lạ, cao quý! Những tích kỷ hẹp hòi cũng không còn nữa trong tôi. Muốn khóc cũng sợ chúng bạn hiểu nhầm, muốn cười cũng sợ chúng bạn ghét bỏ. Sự cảm nin dồn nén tận cùng đến là người vẫn không một lối thoát, cứ thế lan mãi lan mãi ra cho đến khi có sự níu kéo của Noãn, Đĩnh và các bạn trở về, người mẹ, người em, người con quay lưng bỏ đi, tôi mới đỡ được đôi phần. Tri óc hơi êm ả trở lại. Đường về khu bắt lựu hết ngáp ngừng...

Tiếng nhạc thánh phòng từ đâu vắng đến như ru niềm hoài mong của chúng tôi thêm khời sắc.

Noãn, Đĩnh lúc này chẳng khác một đứa trẻ thơ no tràn sữa mẹ. Nói như hát bên tai tôi.

Những căn trại bắt lựu ngạo nghệ thách đố trời đất, lòng người.

Bên kia rào, khu đủ sức khỏe, có tiếng Phú vọng đến:

— Về mạnh khỏe nghe Minh, Đĩnh...

Tôi trông sang với một nụ cười. Phứ tiếp:

— Chiều nay mình đi rồi.

Đĩnh hỏi:

— Biết thụ huấn đâu chưa?

— Có lẽ Quang Trung. Sẽ gặp nhau hai tháng sau ở Bon-na. Thăm Tỉnh nhé!

Tôi nhìn Phú gật đầu. Rồi nụ cười của Phú mở rộng choáng ngập cả mắt tôi, mắt Đĩnh, Noãn và chúng bạn!

Đoàn người ở trại nào về tập trung ở trại ấy để đợi kiểm soát rồi mới được về nghỉ ngơi. Có lệnh cho giải tán hàng của trung sĩ hướng dẫn, tôi lại cùng Đĩnh, Noãn, Châu, Phúc kéo nhau lên Câu lạc bộ. Giờ đây, mọi việc ở trại bắt lựu hầu như quá quen thuộc đối với chúng tôi, ngay cả chuyện ăn uống cũng hết đắn đo, thắc mắc. Từ tô phở lỏng bỏng nước, đến đĩa cơm trắng, vài miếng chả giò, lụa... vẫn ngon miệng đáo để, — dù là miếng chả... giò thua cả cơm binh dân ở ngoài — Đĩnh, Noãn, tôi gọi luôn một lúc mỗi người hai tô, và hai trái chuối già tráng miệng. Châu, Phúc chỉ ăn mỗi người một tô, rồi chạy lên phòng ăn

của trại xúc về một ca đầy cơm và hai cái trứng vịt luộc, chia nhau dẫn bụng, trông đến thèm:

Đĩnh thở ra khoan khoái:

— Chiều nay tụi mình đừng ăn ở Câu lạc bộ nữa, cơm ở trại nhìn vậy mà ngon nhiều.

Tôi, Châu, Phúc, Noãn cũng gật đầu chấp thuận. Ăn xong, chúng tôi trở về trại nghỉ đợi giờ tập hợp gọi tên ra về mỗi buổi chiều của trung sĩ Thăm. Chúng tôi ngã lưng chưa được mười phút bỗng tiếng còi xé không trung của một hướng dẫn viên.

Noãn, Đĩnh, tôi và chúng bạn tua tua ra sân tập hợp. Lần này thì lòng ai cũng nôn nao khó tả. Sự im lặng tự động của anh em trại sinh thi hành một cách triệt để đến tiếng thở dài của người đứng kế bên cũng nghe rõ.

Những bộ mặt vươn cao, cười hề hề khi nghe tên mình trong danh sách ra về chiều nay, hoà với nét tiu nghỉu, buồn tênh của đồng bạn còn ở lại. Tôi mồi với Đĩnh một điếu thuốc nữa để nhận lãnh nỗi thất vọng về mình, và Đĩnh nhảy chồm lên mừng rỡ đón đợi giấy tờ về ngay chiều nay.

Tôi, Noãn gửi Đĩnh nụ cười chia mừng. Đĩnh bắt tay tôi, Noãn và vài người bạn già từ trong im lặng. Nhìn bóng dáng Đĩnh khuất dần ra cổng trại, tôi Noãn và vài người bạn quay lưng về trại bao nỗi héo hon đây lòng.

Rồi trời lại bắt đầu nổi cơn mưa chiều. Buổi tập dịch cũng được gát lại. Noãn nhìn tôi nói nhỏ nhỏ :

— Buồn quá Minh nhỉ?

Tôi chỉ nhìn Noãn không nói. Nhìn ra mây trời u ám giông bão.

Tiếng súng xạ trường bên kia rào vãn vọng đến đều đều như khích lệ, thách đố. Noãn mơ hồ :

— Nằm đây nghe tiếng súng mà nhớ!.. thằng Đĩnh về tới Saigon tha hồ đi trong mưa !..

— Nhất là đi trong mưa với người yêu cậu nhỉ?

Noãn cười cở mớ :

— Còn cậu nằm đây nhìn trời mưa, vọng đến người đẹp cũng thế!

— Ôi dà... người đẹp thì còn lâu. Sức mấy mà đến mình.

Nhưng cậu đừng nhắc, tớ nhảy mũi đấy.

— Người đẹp nhảy mũi chứ. Kề ra ở trung tâm này « en » đứng nhất đấy, Minh mê là phải.

— Nói nhỏ kẻo bà xã nhà mình cho bầm mặt, tớ oán cậu ghen không.

— Chưa đến nỗi nào, có gì tớ xin lỗi giúp cậu mà.

— Khổ nỗi, tớ về trước cậu thì làm sao xin lỗi hộ!

— Ồ nhỉ! Nhưng đừng nói đại vậy. Muốn cho mình ở đây thêm ít lâu nữa sao?

Phúc nãy giờ chỉ ngồi đăm chiêu, giờ này mới lên tiếng :

— Máy cậu ích kỷ thế. Còn mình với xừ Châu bỏ đi à? Phải để hai thằng mình góp mặt với (chứ).

Noãn mỉm cười gật gật đầu :

— Minh quên, đừng buồn, đừng giận nghe không.

Tối xen vào lời Noãn :

— Hai thằng mình hưởng thay hai cậu đã sao mà ư lệ rồi!

Châu thở dài, đáp đùa :

— Chuyện ấy lại càng không được nữa. Đã được về trước

với vợ con, người yêu, với Bô-na, với... «tái nạn gàu 79», rồi còn đòi hưởng thay thì có nước « ăn độn » gấp.

Phúc đưa tay lên quơ quơ ra vẻ cản ngăn :

— Thật là các' cậu không xem tớ ra gì cả.

— Cậu 31 ký, ai sợ nỗi.

Phúc quay lại nhìn tôi cười :

— Chúng nó coi mình không ki lô nào thật. Ôi! Loạn mắt! Loạn mắt, bà con xóm làng ơi!

Thế là chúng tôi đồng cười huề vui vẻ. Đến mấy anh bạn kế cận cũng cười hòa theo, quên cả mong nhớ, hoài trông về một phương trời, cười át cả tiếng súng, tiếng mưa gào, gió thét.

Giữa lúc trận cười vừa chấm dứt, thì một anh bạn mới từ ngoài chạy vào, nhìn chúng tôi và hỏi :

— Mấy anh cho tôi nằm đây với nghe.

Noãn đáp thay :

— Cứ tự tiện, bạn bè cả mà, Phúc nói lời:

— Có thêm được anh lại càng vui.

Anh bạn mới vui vẻ ngồi xuống kể tôi nói :

— Ở đây vui quá! Tôi vừa sang đây lúc trời đổ mưa.

Tôi nhìn anh ta hỏi :

— Toàn anh sang trại này bao nhiêu người?

— 40 người.

Phúc thăm tỉnh :

— Vậy là hôm nay còn ít người ở trại này. Ngày hôm qua về bảy mươi, nhập năm mươi. Hôm nay về 68, nhập 40.

Noãn cắt đứt lời Phúc :

— Tỉnh làm gì cho mệt. Không về trước cũng về sau.

Châu cười huề, xi xòa :

— Thôi, dẹp sang bên đi! Kể chuyện tình thì hơn!

Đề nghị của Châu đưa ra để tìm niềm vui trong quên lãng nhưng chẳng một ai biểu đồng tình.

Không khí u-buồn như bao trùm lấy chúng tôi. Những say hăng giảm bớt hiện rõ lên khuôn mặt mỗi người. Nhớ thương lại vọng về xao xuyến cả tâm hồn. Những điều thuốc được đem ra chuyện cho nhau hút giải khuây. Noãn vỗ vai tôi :

— Nằm một tí cho đỡ mỏi lưng đã Minh.

(còn tiếp)





BỨC TRANH  
VẠN CẦU

ONU = 0

★ NGUYỄN-VỸ

**D**ã lâu rồi, từ khi Liên Hiệp Quốc (Organisation des Nations Unies ONU) hãy còn tên cũ: Hội Vạn Quốc (Société des Nations, S.D.N.), người ta đã thấy triết lý chân chính của loài người, triết lý duy nhất có đôi chút garam nào, là triết lý SỨC MẠNH.

Công bằng, nhân đạo, tự do, bình đẳng, bác ái, đều là những cái lũng tùng xèo rỗng tuếch.

Từ chiến tranh Ý, do Mussolini chủ trương, dùng võ-lực xâm chiếm Ethiopie, từ các cuộc

khởi nghĩa đòi Tự-Do của Hung-Gia-Lợi, Ba-Lan, Đông-Đức, bị xe tanks của Nga nghiền nát, người ta thấy rằng Hội Vạn Quốc họp ở Genève, hay Liên Hiệp Quốc họp ở New York, chỉ «đĩa» như vệt, mà hành động như thỏ.

Các nhà ngoại giao tài ba lỗi lạc nói toàn những tự do, bình đẳng, bác ái, nhân đạo, công lý dân quyền..., mà rốt cuộc là để SỨC MẠNH chi phối, là cúi đầu tuân theo mệnh lệnh của SỨC MẠNH, là a hứa theo SỨC MẠNH.

**A**I-CẬP đã gây chiến và đã bị Do-Thái đánh toi bời,

BỨC TRANH VẠN CẦU

thua liềng xiềng, trong trận giặc thứ hai, năm 1956. Phải nhờ ONU can thiệp. Ngày 15.11-1956, ONU phái một đoàn quân Mũ xanh của lực lượng Quốc Tế, trong đó có lính Ấn Độ và Nam Tư, đến đóng trên nẻo đất Gaza để tránh các cuộc đụng độ tương lai giữa Ai Cập và Do Thái, và để bảo vệ Hoà Bình ở miền Trung Đông.

11 năm qua. Đầu tháng 6-1967, Nasser hùng hổ làm dữ quyết gây chiến với Do Thái, quyết nuốt sống Do Thái, quyết xô hết mấy triệu dân Do Thái xuống «Biển Chết» (Mer Morte). Quyết chôn hết Do Thái dưới sa mạc Sinai, hoặc đập cho bể đầu Do Thái và đem quăng cho sư tử Phi Châu ăn thịt.

Thấy Nasser phò trương SỨC MẠNH, lại nhờ Nga Xô trợ giúp tàu bay, tàu bò, tàu lặn, được Nga Xô hứa ủng hộ tích cực để tiêu diệt Do Thái, các nhà ngoại giao của O.N.U. hoảng hồn hoảng vía.

Nasser truyền lệnh cho O.N.U. rút hết đoàn quân quốc tế về xứ đề y tự do xâm chiếm Do Thái.

U Thant, trùm ONU, là một kẻ

khiếp nhược Ở Việt Nam, y sợ Hồ chí Minh, ở Nga y sợ Brejnev, ở Ai Cập y sợ Nasser. Cho nên lập tức tuân lệnh Nasser, y gọi các đoàn quân mũ xanh bảo vệ hoà bình ở Gaza, rút khỏi vùng đất này, và... đi về, ai về nhà nấy...

Y biết Nasser sắp sửa đánh Do Thái, tưởng là Nasser có SỨC MẠNH thật, nên y vàng lỉnh Nasser, rút hết quân đội ONU đi ra khỏi hành lang Gaza, để xử Nát kéo đại đội hùng binh vào chiếm Do Thái.

Cử chỉ của U-thant nhượng bộ Nát-Xe, một tên độc tài hiếu chiến, là một cử chỉ hèn nhát, khuất phục trước SỨC MẠNH. Cả ONU cũng làm thình, tán thành U Thant, sợ Nát Xe.

**K**HÔNG ngờ Nát xe b Do-thái quật cho một cú học máu mồm, thiếu điều tế nhào xuống sông Nil, làm mồi cho cá sấu.

U-Thant, và ONU bật ngửa ra. Dè dàu Do thái bé-hạt-tiểu thể mà lại dè bẹp được thằng-cha Nát-Xe to lớn như Hạng-Võ thể kia, trong mấy tiếng đồng hồ.

## SỨC TRANH VÁN CẦU

Ồ ! Ồ ! Do-Thái có SỨC MẠNH phi thường, siêu đẳng thế cơ ?

U-Thant, trùm ONU, run như cây sậy. Cả ONU thổ không ra hơi. Bây giờ tụi họ lại bỏ rơi Nát-xe. Cả Nga-xô cũng bỏ rơi Nát-xe (Nát cả xe lẫn pháo, nát cả phi cơ, tàu ngầm, nát cả một Quân-đội, còn cái khí móc gì nữa đâu !) Tụi họ đang tình việc quý phục trước SỨC MẠNH của Do-Thái !

Cũng như tụi họ đã quý phục trước sức mạnh dã man của Xetank Staline ở Budapest, ở Varsovie, ở Berlin-Est, và của xe thiết giáp tàn bạo của Mussolini và Badoglio ở Addis Ababa !

Liêg-Hiệp-Quốc !

ONU ! Chỉ là con số không. Chẳng có gà-ram nào cả.

ONU = 0

Sức máy mà dám nhí nhóe ?

**B**ÀI học quý giá cho các dân tộc nhược tiểu.

Riêng cho dân tộc bị coi là «nhược tiểu» của Việt-Nam.

Cho nên, từ trước đến nay, Diệu Huyền vẫn chủ trương :

Việt-Nam, đéch sợ thắng nào !

Việt-Nam đéch ý lại vào thắng nào! Việt-Nam đéch xin xô thắng nào !

Việt-Nam phải tự lập lấy thân, tự tin lấy tinh thần, tự cường SỨC MẠNH. Việt-Nam phải quật khởi, phải vùng dậy. Việt Nam phải noi gương Do Thái. Do Thái là con sư tử ở Sa mạc Trung đông. Việt Nam là con Rồng Vàng vùng vẫy dưới trời Đông Á.

Ta phải diệt Cộng Sản với tự sức mạnh của ta !

Ta phải diệt thực dân, phong kiến, với tự sức mạnh của ta,

Ta phải đối phó với mọi thứ đế quốc, bằng sức mạnh của ta.

Phải có sức mạnh mới khỏi bị thiên hạ đè đầu đè cổ.

Phải có sức mạnh thật sự, siêu đẳng, như Do Thái. Đừng có sức mạnh hào nháng bề ngoài, rỗng tuếch bên trong như Ai Cập. Chúng ta phải tìm những kẻ hành động có sức mạnh, chúng ta lánh xa những kẻ địa như vẹt, ăn như heo, nhát như thỏ.

Chúng ta là Rồng. Trên 4000 năm Lịch sử, Việt Nam là Rồng Vàng, luôn luôn vùng dậy, đuổi giặc Tàu, đuổi giặc Tây. Đuổi cả giặc Gengis Khan !

*Diệu Huyền*



★ NGUYỄN-VŨ

một

**T**ôi đưa anh Vũ và Nguyệt ra công chính. Chiều đã nhạt nắng và khu tiếp tân thưa thớt hẳn đi.

Những chiếc Lambretta ồn ào đã mang hình bóng Saigon đi xa. Bồn hàng rào kẽm gai han rỉ, những vọng gác gầy guộc cao lêu nghêu cũng đã bắt đầu thay đổi thái độ, trở về với vẻ nghiêm khắc cao ngạo thường ngày. Ba chúng

tôi búi ngùi đi bên nhau. Ba chiếc bóng ngã sấp xuống mặt đường, mang một nỗi buồn dịu nhẹ vô danh đàn trải ra thật rộng, thật sâu, nhận chìm những tiếng nói với bất cuối cùng xuống biển sương mù. Anh Vũ lập đi lập lại: Tuấn sau anh với Nguyệt sẽ lên thăm Chi, nhớ ra ngoài này trước nghe. Cần gì không anh nói với mẹ mua cho. Tôi cười muồn rơi nước mắt. Cần. Tôi cần rất nhiều. Cần tiền. Cần



thư tình. Căn cứ người thăm viếng mỗi cuối tuần. Nhưng không ai giúp được tôi điều gì cả. Mẹ tôi luôn luôn thiếu hụt tiền bạc. Uy thế của bà với mọi người vì vậy đã sa sút đến thăm hại. Huệ thì vẫn thật xa, thật cách. Những lá thư nóng bỏng nhớ nhung nhờ anh Vũ đưa về vẫn chẳng thấy hồi âm. Kim hẹn lên thăm vẫn đợi chờ mỗi mắt. Tôi không nỡ trách. Chưa chắc Kim đã có tiền đi xe Lam hay xe đồ. lên thăm tôi. Nguyệt níu lấy tà áo phật phơ trong gió chiều, hỏi tôi về Huệ. Nguyệt bảo cô Huệ trông cũng xinh ghê. Chiều hôm nọ tôi gặp Huệ ở trường. Nói về Chi cô ấy chỉ im lặng. Tôi cười lúng búng trong cuồng họng, chực mũi giầy đá mạnh một viên sỏi dưới chân. Viên sỏi sợ hãi lao vụt vào bụi có lẽ đường. Anh Vũ chỉ về phía sân số 4 hỏi bãi tập ở đó à, xa quá nhỉ. Tôi cười nhẹ, nói cũng chẳng xa gì. Khoảng 4 hay 5 cây số gì đó. Thứ hai tuần trước tại nó bắt cuộc bộ dưới nắng 1 giờ trưa ra bãi, bán 3 phát Garant chơi,

nhiều thằng xiu lên, xiu xuống. Anh Vũ nhắc lại giai đoạn học Cao đẳng quân sự sáu, bảy năm trước. Anh bảo bán Garant giặt quá. Bao giờ học Carbine đỡ khổ hơn. Tôi lại cười, im lặng. Tôi muốn nói rằng Garant bây giờ thành bạn bè của tụi em rồi. Ở trước văn phòng đại đội em có kẻ khẩu hiệu « súng là vợ, đạn là con ». Mày thằng bạn em tụi nó thường đọc trịch đi « súng là mẹ, đạn là cha ». Nhưng tôi chỉ im lặng. Nụ cười của lính tráng thường không đủ một người dân sự nhếch mép — hoặc chỉ nhếch mép cười thương hại.

Ba chúng tôi dừng lại ở ngã tư ngays sát với công chính. Anh Vũ đưa tay cho tôi định nói lời tạm biệt. Chợt có tiếng gọi tên anh nghe thật quen. Tiếng gọi được lặp lại nhiều lần với vẻ mừng vui. Tôi nhìn ngay ra đám người ngồi giữa đám cỏ xanh non gần ba gian « lâu đài tình ái », ba gian nhà

dành đặc quyền cho những cặp vợ chồng hay bố bịch. Tôi bảo anh Vũ : — Bác Bình đó. Anh Vũ khẽ gật đầu, đưa mắt nhìn Nguyệt hỏi ý kiến. Nguyệt cười hiền, không tỏ thái độ. Ly, con gái người bác họ, đứng lên đưa tay vẫy chúng tôi. Thêm hai thiếu nữ khác đứng lên theo. Ngọc, chị của Ly; cười gọi tên tôi. Bên cạnh chị Ngọc là một thiếu nữ lạ. Anh Vũ hỏi tôi : Chi nghĩ sao ? Tôi nhún vai : thì ra đó một chút siu rồi về luôn. Anh Vũ và Nguyệt miễn cưỡng bước theo tôi. Hai người không muốn bác Bình thầy đi chơi với nhau ở nơi này vì Nguyệt là bạn học của chị Ngọc.

Ly hơn hồ chạy lại phía tôi, gặp tôi ở giữa bãi cỏ. Mắt Ly mở lớn nhìn tôi như một quái vật. Giọng Ly ròn tan :

— Ông Chi đây à ? Trời ! Trông cù-lân quá cỡ.

Tôi cười, lột chiếc mũ bèo nhều xuống cầm tay. Ly níu lấy tay tôi, lấu tấu :

— Có bà Kim lên thăm Chi đó. Gọi vào Đại Đội Chi mấy lần họ bảo ông lang thang ngoài này từ hồi trưa lặn. Tôi này đã định về rồi chứ...

Ly vừa nói vừa chăm chú quan sát những thay đổi trên mặt mũi, đầu tóc tôi. Có lẽ cô bé thất vọng lớn lao vì tôi đã biến đổi quá nhiều. Và nhất là trong bộ đồ sờn chưa kịp sửa, trông tôi ngơ ngếch như một chú mán rừng.

Bác Bình và mấy người anh chị họ vây học lấy tôi bằng những câu hỏi han, những tiếng cười ròn rã. Bên cạnh bác Bình là người em họ của bác cùng khóa tôi. Hần liếc nhanh về phía Kim rồi nháy mắt đồng lõa với tôi. Tôi cười nụ, ngồi xuống mặt cỏ. Chị Ngọc và Ly kéo Kim ngồi xuống cạnh tôi. Chị cười bảo tôi Kim muốn lên thăm cậu từ lâu, mãi hôm nay mới có dịp. Tôi thoáng bắt gặp ánh mắt khó chịu của anh Vũ và nụ cười hóm hỉnh trong đáy mắt Nguyệt. Chắc Nguyệt không thể ngờ tôi và Kim yêu nhau,

Những ngón tay trắng hồng của Kim bứt rứt ngắt những cọng cỏ trước mặt. Tôi lặng nhìn Kim, không biết phải nhập đề ra sao. Phải một lúc lâu sau tôi mới hỏi được một câu thật vô nghĩa :

— Kim vẫn mạnh chứ ?

Kim ngược nhìn tôi thật nhanh, rồi lại cúi xuống những cọng cỏ :

— Tôi vẫn thường... Trông Chi hỏi này lạ hẳn. Hết về thư sinh rồi.

Tôi muốn nắm lấy bàn tay trắng muốt của Kim, đan những ngón tay vào nhau và bảo Kim tôi đã chờ đợi Kim đến mòn mỏi. Nhưng chỉ là một ý định, một thèm muốn bị buông trôi trong nuôi tiếc. Tôi chỉ có thể hỏi Kim về trường học, về chuyện thi cử. Những mẫu đối thoại thật vụn vặt và nhạt nhẽo kéo dài đến lúc chia tay. Kim nhìn tôi thật lâu trước khi tôi đứng lại ở ranh giới cuối cùng của một sinh viên Sĩ-quan. Nàng khẽ nói :

— Về nghe Chi. Chắc chị thông-cảm, Kim không thể lên thăm anh thường được...

Tôi ngậm ngùi nhìn theo vạt áo màu hồng và mái tóc đen óng ánh của Kim tung bay trong gió chiều. Và rồi, khi chiếc xe Lam đưa Kim, Nguyệt, anh Vũ và gia đình người bác họ đã mất hút ở một khúc quanh, tôi lặng lẽ trở về doanh trại trên những bước chân xiêu vẹo, cô đơn. Thề là lại thêm một ngày chủ nhật trôi qua. Tôi không đủ vô tư và háo hức để bắt chước những người bạn cùng phòng, kể từ tôi nay khởi sự trông đợi ngày thứ bảy, chủ nhật tuần tới. Đúng hơn; chẳng có gì để trông đợi. Huệ vẫn thật xa lạ. Kim vì nghèo và vì sợ chạm trán anh Vũ. Quả thật những niềm vui nhỏ mọn anh Vũ mang lên không đủ giúp tôi thỏa mãn. Tôi mới hai mươi hai tuổi. Cái tuổi thấy tình yêu là tất cả lẽ sống cuộc đời.

Tôi dừng lại ở một đầu dốc, mỗi thuốc. Khói thuốc

thơm ngọt ngào. Người lính gác trước dinh viên Đại Tá Chi Huy Trường lặng nhìn tôi đứng đứng. Lúc này địa vị tôi còn thua kém cả hẳn nữa. Thua kém cả những tên lính quân dịch dưới phòng ăn. Cặp lon Chuẩn úy nhỏ mọn, đôi với chúng tôi to lớn như một giấc mộng huyền hoặc. Viên sĩ quan cán bộ ngày nào cũng lập lại hàng chục lần rằng chúng tôi sẽ là Chuẩn úy nhưng bây giờ thì chưa. Hẳn muốn bảo cho chúng tôi biết phải mua cặp lon ấy bằng rất nhiều mồ hôi, nước mắt và tài nhọc. Tôi đã bắt đầu nhận thấy điều đó khi vừa đặt chân vào quân trường này.

Về tới sân Đại Đội, mọi người đã tập họp đi ăn cơm. Bữa cơm chiều chủ nhật bao giờ cũng chỉ lèo tèo vài chục mạng. Họ là những người xa nhà, thường không có thân nhân thăm viếng. Yên đang ngồi hút thuốc trên giường tôi. Yên bảo hôm nay tao giàu rồi tại mình xuống Cầu Lạc Bộ ăn tôi và ngắm Thanh Thúy. Tôi lừng khừng nhận lời, một mỗi bước theo Yên.

Yên mở lớn cặp mắt nai tơ có hàng mi cong như hàng mi con gái, hỏi :

— Ông Vũ có lên thăm mây không ?

— Có. Mới về.

— Thề à ? Còn cụ Huệ ?

Tôi lắc đầu. Yên tiếp tục nói về Huệ. Tao thấy mây hơi khùng. Đi yêu một đứa con nít để ăn cái giải gì. Bộ Yên khiến mây khùng rồi sao. Tôi chửi thề bảo nó đừng xia mồm vào chuyện người khác. Yên bực dọc bảo tôi Chi à, đ. m. chắc mây sẽ chết mất tâm mất hút trong những ám ảnh vô lý. Câu nói của Yên loãng vào thế khối âm thanh hỗn loạn trong Cầu Lạc Bộ. Hơn ba chục cái bàn chật ních khách ăn. Len lỏi mãi Yên mới kiếm được hai chỗ ngồi gần cô thâu ngân viên. Tên cô ta là Tranh nhưng Yên thích gọi Thanh Thúy vì Tranh có mái tóc và dáng đẹp người ca sĩ đang nổi danh ấy.

Những chai lave khiến mặt Yên tái đi Yên đã bắt đầu bõe đống, cười nói lớn tiếng hơn.

(còn tiếp)



# « VÊ-NỮ »

là ai

?



DIỆU-HUYÊN

(Tiếp theo P.T. số 193)

**V**ê-nữ chỉ là một nữ thần của Tinh Yêu trong Thần thoại Hy Lạp La Mã, cho đến năm 300 trước J.C. một nhà đại điêu khắc Hy-Lạp, PRAXITÈLE chạm hình lửa thê của người yêu chàng, PHRYNÉ, thành pho tượng Vénus, tượng trưng sắc đẹp tuyệt đối của người đàn bà... Tất cả các tượng Vénus khác đều rập theo khuôn mặt và thân hình Vénus của Praxitèle.

PRAXITÈLE sinh tại thành phố Athènes (Hy Lạp) vào khoảng năm 390 trước Chúa Jésus, và chết cũng tại đây năm 330 trước Chúa Jésus. Con một gia đình khá giả, năm 350, nghĩa là vào khoảng 40 tuổi, ông đan díu với một gái điếm tên là PHRYNÉ. Cuộc tình duyên này, không ngờ, đã đóng một vai trò rất quan trọng trong các sáng tác phẩm vĩ đại và nổi danh nhất của nhà điêu khắc của thời thượng cổ Hy Lạp. Ngoài các pho tượng về đàn ông, bằng cẩm thạch và bằng đồng đen hiện còn giữ tại các bảo tàng viện Pháp, Ý, và Toà Thánh Vatican, sản phẩm nổi tiếng nhất là các pho tượng VÊ NỮ mà PRAXITÈLE nặn theo kiểu mẫu của người đẹp và người yêu của ông, nàng gái điếm PHRYNÉ.

PRAXITÈLE là nhà điêu khắc đầu tiên đã nặn ra hình người đàn bà đẹp lửa thê, và nàng PHRYNÉ là người mẫu đầu tiên của sắc đẹp lửa thê.

Tất cả các pho tượng Vê Nữ được sản xuất về sau, do các đệ tử của Praxitèle, và các nhà điêu khắc của các thế hệ sau, đều lấy theo kiểu mẫu Vê nữ Phryné của nhà điêu khắc Hy Lạp.

Đây là pho tượng Vê nữ đầu tiên của Praxitèle, cách nay trên 2.300 năm, bằng cẩm thạch, còn để lại cho đến ngày nay, và hiện được trưng bày tại « BẢO TÀNG VIỆN LỊCH SỬ VÀ NGHỆ THUẬT » ở Genève.

(Đầu, tay, chân, bị gãy).

Nhưng pho tượng Vénus nổi danh nhất thế giới hiện nay, là VÉNUS de MILO, hiện được trưng bày trong điện Louvre, ở Paris.

Diệu Huyền xin thuật rõ lịch sử ly kỳ của pho tượng này xuất gây thành một cuộc chiến tranh... ở Trung Đông !

MILO là tên một hòn đảo cuối cùng ở Tây Nam Quần đảo Cyclades trong biển Egée của Hy Lạp, rộng chừng 200 ki lô mét vuông, dân số hiện nay không



Venus Hy-Lap do nhà  
điều-khắc Cléomène, 1  
Thế - kỷ trước J.C.  
(Bảo tàng viện Offices)

quá 6000 người. Nó là hòn đảo  
đẹp nhất có nhiều thắng cảnh  
nhất trong số cù lao nhỏ của  
quần đảo Cyclades.

Năm 1820, Hy Lạp đang bị Thổ  
Nhĩ Kỳ đô hộ. Riêng hòn đảo

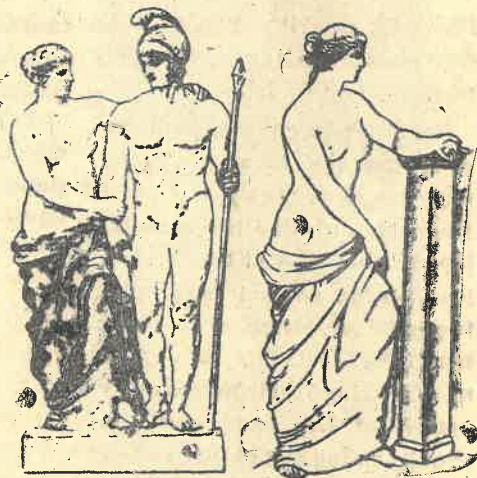
Milo lại thuộc về nhà vua tiêu  
quốc Bavière của nước Đức.

Nước Pháp thì đang ở dưới  
thời vua Louis XVIII.

Đảo Milo thuộc về triều vua  
Bavière, nước Đức, bởi vì có  
một nhà qui tộc Đức là Hầu  
tước Haller vừa là một tay khảo  
cổ có tiếng về các đồ xưa Tây-  
phương, có khám phá được nơi  
cù lao Milo, năm 1814, cả một  
nhà hát xưa bị chôn vùi dưới  
đất lâu ngày, với nhiều các sản  
phẩm rất quý báu về kiến trúc  
và điêu khắc từ thời thượng cổ  
Hy Lạp. Hầu tước Haller tâu về  
vua xứ Bavière, ông này liền bỏ  
tiền ra mua cù lao Milo làm của  
riêng của triều đại Bavière.

Tháng HAI năm 1820 một chú  
nông dân Hy-Lạp, tên là YOR-  
OS, đang cấy đất để trồng lúa mì.  
Bỗng anh thấy vài ba miếng đá  
cầm thạch hiện lên trên rãnh  
cày. Anh ngạc nhiên và tò mò,  
đào sâu xuống chỗ đó thì thấy  
một cái thùng trong đựng một  
pho tượng rất lớn bằng cầm  
thạch, nhưng hai cánh tay, đã bị  
gãy rời ra. Anh ôm pho tượng,  
mặc dầu rất nặng, về giấu kín  
trong chuồng ngựa của anh.

Lúc bấy giờ, ở đảo  
Milo có 1 viên lãnh sự  
Pháp, tên là Louis Brest,  
sinh trưởng ở Hy-Lạp và  
được dân chúng Hy-lạp  
ở đảo rất có cảm tình.  
Ông thường đi dạo xem  
thắng cảnh trong đảo,  
thích làm quen với nông  
dân và nói tiếng Hy Lạp  
rất thạo. Do đó, anh nông  
dân Yorges tìm đến tòa  
lãnh sự Pháp, nói cho  
Louis Brest biết về sự an  
ngẫu nhiên khám phá  
được một pho tượng xưa,  
bằng cầm thạch, và tỏ ý  
muốn bán. Anh định bán  
một giá rẻ thôi, vì pho  
tượng đã sứt tay.



Venus và Mars  
(thần Chiến tranh)

Venus, theo  
kiểu mẫu Ve-  
nus de Milo.

Brest vội vàng viết thư hỏi ý  
kiến ông Đại sứ Pháp, Bá tước  
Riviere, ở Constantinople, thủ đô  
Thổ Nhĩ Kỳ.

Đồng thời, có chiếc tàu *La Che-  
vrette* của Pháp chuyên môn  
nghiên cứu về hàng hải học, do  
một Trung Úy Hải Quân 30 tuổi,  
Jules Dumont d'Urville, chỉ huy  
đang thả neo trong vịnh Milo.  
Cũng được anh nông dân Yor-  
gos gạ bán pho tượng cầm thạch  
Dumont d'Urville đến tận nơi

xem xét kỹ lưỡng. Vài ngày sau  
ông đi Thổ Nhĩ Kỳ để trưng  
trình với đại sứ Pháp về giá trị  
đặc biệt của pho tượng.

Dumont d'Urville là một nhà  
khảo cổ có đọc được mấy giòng  
cửu Hy Lạp xưa còn ghi nơi  
tượng, đã khám phá ra rằng  
đây là pho tượng Venus do  
PRAXITÈLE chạm 300 năm trước  
Thiên Chúa Giáng Sinh. Thật  
là quý báu vô cùng. Chính pho  
tượng này chạm đúng theo thân  
hình uyển chuyển kiều lệ của



**PERYNE**, người yêu của nhà điêu khắc, theo chứng tích của cổ sử Hy Lạp để lại.

Đại sứ Pháp chưa nhận được công văn của lãnh sự Brest, nhưng nghe Trung úy Hải quân Dumond d'Urville tường thuật, lập tức phái viên bí thư Marcellus đến tận nơi hỏi mua pho tượng Vénus. Marcellus đi chiếc tàu L'ESTAFETTE, đến Milo ngày 23 tháng 5 thì trông thấy mấy người Hy Lạp đang chở pho tượng xuống một chiếc ca nô để đưa ra một chiếc tàu Hy Lạp treo cờ Thổ Nhĩ Kỳ, đậu ngoài biển

Hỏi ra mới biết rằng pho tượng bằng cẩm thạch đã dồn đến tại một nhà triệu phú chơi đồ cổ Hy Lạp, Nicolas Mourousi, bạn chí thân của viên Đô Đốc Hải quân Thổ Nhĩ Kỳ. Ông này sai một thuyền trưởng đến Milo để mua pho tượng chở về Constantinople. Biết rõ như vậy, viên bí thư toà Đại sứ Pháp, Marcellus, lập tức truyền lệnh cho thuyền trưởng tàu L'ESTAFETTE của Pháp, chặn chiếc tàu Hy Lạp, không cho nhổ neo. Marcellus quyết giành lại pho tượng cho kỳ được. Một mặt ông cho 50 người lính nài nịt

súng ống, canh giữ chiếc tàu Hy Lạp, một mặt ông báo tin cho Đại sứ Pháp can thiệp với chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ, và phản đối việc nhà triệu phú Hy Lạp giành pho tượng xưa mà lãnh sự Pháp ở Milo đã hỏi mua trước với giá 600 đồng bạc Hy-



Tượng Vénus Hy Lạp.  
4 Thế kỷ trước J.C. (Bảo-tàng  
viện Capitoles, La-Mã)

Lạp. Hai bên dẫn co mãi, sau vì áp lực mà Thổ Nhĩ Kỳ phải nhượng bộ, và pho tượng VÉNUS của đảo MILO đã được chuyển từ tàu Hy Lạp sang tàu Pháp. Chiếc L'Estafette nhờ neo chạy về Pháp, ghé các đảo Rhodes,



Vénus-Genetrix, nhà điêu  
khắc Callimaque 5 Thế-  
kỷ trước J.C.  
(Louvre: - Bảo-tàng-viện)



Tượng Vénus de Milo  
(Bảo tàng viện Louvre)



Chypre, và hải cảng Ai Cập Alexandrie.

Đây, pho tượng VÉNUS ở MILO, do Praxitèle chạm theo thân hình của nàng Phryné, 300 năm trước J.C. Từ Alexandrie, tượng Vénus de Milo được chuyển qua một chiến hạm Pháp, chiếc LA LIONNE có hai khẩu đại bác, bảo vệ, và có Đại sứ Pháp, bà trước Rivière tháp tùng về đến Marseille.

Được tin này, vua xứ Bavière (Đức) là sở-hữu chủ cũ lao Milo, đòi lại pho tượng, xuyt gây ra một cuộc đọan tuyệt về ngoại giao với Pháp, có thể đi đến chiến tranh.

Nhưng ngày 2-3-1821, vua Pháp LOUIS XVIII, ký sắc lệnh xác nhận chính thức pho tượng Vénus de Milo là thuộc quyền sở hữu của Pháp, trong một buổi

lễ long trọng tại điện Louvre, trước mặt ngoại giao đoàn quốc tế.

Năm 1820, một đồng bạc mới của Pháp được phát hành, một bên chạm hình quốc vương Louis XVIII, một bên chạm hình Vénus de Milo.

Các bạn gái nên nhớ rằng chính vòng ngực và vòng hông của pho tượng Vénus de Milo, được dùng làm kiểu mẫu điển hình trong các cuộc thi sắc đẹp quốc tế từ đó đến nay.

Hình ở trang đầu: Khuôn mặt cẩm thạch của VÉNUS de MILO. (đúng khuôn mặt của Phryné người yêu của nhà điêu khắc Praxitèle, tác giả pho tượng.)

### CHIA BUỒN

Được tin trẻ bạn NGÔ ĐÌNH ĐỒ tức nhà văn HÀN SINH đã tạ thế ngày 2-6-1967 tại nhà riêng (Bao-Vinh HUẾ). Chúng tôi thành thật chia buồn cùng chị TÔN NỮ TỐ QUYÊN và các cháu, cùng cầu nguyện cho hương hồn Bạn HÀN SINH được tiêu-diêu nơi miền cực-lạc.

PHONG-SƠN, KIÊM MINH, VŨ HẠN, LƯƠNG NGHI  
NGUYỄN-THU-MINH, TRỤ-VŨ

## phê-bình sách mới

### ĐƯỜNG LỐI VĂN-NGHỆ DÂN-TỘC

KHẢO-LUẬN CỦA THANH-NGÔN  
NHÀ XUẤT-BẢN GIÓ-ĐÔNG  
SAIGON

★ NGUYỄN - VỸ

ĐÁNG lẽ tôi không viết bài này. Tôi đọc nó đã lâu, ngay hôm nhận sách biếu, và đã trịnh trọng cất trọng tử sách. Nhưng vừa rồi có một số anh em văn nghệ trẻ và anh chị em sinh viên muốn biết ý kiến của tôi về lập trường của tập khảo luận trên đây, nên tôi cầm bút, viết một vài cảm nghĩ vô tư và chân thật của tôi, đứng trên cương vị Văn-nghệ Thuần túy Dân Tộc.

Trước hết, đọc cái tên sách

Đường lối văn nghệ dân-tộc người ta thấy ngay chủ đích « hướng dẫn văn nghệ » — (Littérature dirigée) của tác giả. Tác giả muốn chỉ cho văn nghệ Việt Nam hiện đại một hướng đi, muốn con người văn nghệ phải chọn một con đường mà tác giả gọi là đường lối « dân tộc », con đường ấy tác giả đã cầm sẵn một mũi tên chỉ hướng, con đường một chiều (Littérature à sens unique), với một người lính mang súng đứng gác nơi đầu đường.



Chủ trương đó, thật ra, không mới lạ đối với chúng ta, bởi nó đã được triệt để áp dụng dưới chế độ độc tài Cộng sản của Staline trước đây ở Nga-xô, của Mao-trạch-Đông hiện nay ở Trung Cộng, dưới chế độ độc tài Ngô đình Diệm đã qua, và các chế độ độc tài khác, ở Việt Nam cũng như ở rải rác nhiều nơi trên quả địa cầu.

Các chế độ đó, và những kẻ tồi tệ phục vụ không những dùng đủ thứ áp lực để bắt buộc toàn thể « Dân tộc nhân dân » phải phụng sự một lý tưởng riêng nào đó, họ lại còn muốn lôi kéo cả văn học nghệ thuật phải đi theo một chiều hướng với họ. Họ bảo rằng văn nghệ được — hay bị cũng thế, — hướng dẫn như thế mới thật là *văn nghệ tiến bộ*. Còn ngoài ra, tất cả đều là văn nghệ thoái hoá, phản dân tộc, phản tiến bộ v.v...

Theo thiên ý của tôi, quan niệm văn nghệ như thế thật là sai lầm, là phản văn nghệ.

Sai lầm nguyên thủy, là quan niệm của họ về « Dân tộc nhân dân ».

Dân tộc nhân dân là ai? Dưới thời Staline, Cộng sản

quan niệm rằng Nhân dân là Đảng, toàn thể là con của Staline, « vị cha thiên tài của các dân tộc ». Dưới chế độ Cộng sản Việt Nam, « Dân tộc Nhân dân » là đảng, là con cháu của Bác. Dưới Ngô đình Diệm, « nhân dân » là... « toàn dân ghi ơn Ngô Tổng Thống... Ngô Tổng Thống muôn năm » v.v...

Thật là mĩa mai chua chát và đau đớn cho Dân tộc Việt Nam, hết bị đám người này lại bị đám người khác lợi dụng danh từ Dân tộc, Nhân Dân, để trồng ách nê-lê vào cổ, xiềng xích tay chân, muốn xiềng xích cả đầu óc, tim, phổi, lời theo « đường lối » độc đoán của họ. Giống như đoàn người chiến bại gồm đủ đàn ông, đàn bà, người già con nít, bị lôi kéo sau các cỗ xe khải hoàn của La-mã dưới các triều đại César!

Những kẻ yêu chuộng Tự Do Dân chủ, những kẻ có ý thức về giá trị của Tự do Dân tộc, những kẻ muốn hăng hái đóng góp xây dựng *Tiến-Bộ* chân chính và lành mạnh của Nhân loại, không thể nào chấp nhận một « đường lối văn nghệ » duy nhất, phục vụ một người,

một họ, một đảng, bắt buộc tất cả người văn nghệ phải cúi đầu răm rắp tuân theo.

Đó không còn là Văn nghệ Dân tộc nữa. Đó là Văn nghệ bồi bút, văn nghệ tồi tệ.

Dân tộc là ai? Nhân-dân là ai? Tác giả quyển sách này đã vô tình (tôi tin rằng vô tình) chia dân tộc ra thành giai cấp nông dân, và giai cấp tư sản. Tác giả lại quả quyết rằng giai cấp Nông dân chiếm 90% nhân dân, để kết luận rằng Nông dân là Dân tộc, là Nhân dân, và văn nghệ Dân tộc phải hướng về phục vụ nông dân.

Đường lối văn nghệ Dân tộc, theo tác giả, là đường lối văn nghệ duy nhất phục vụ Nông dân. Cũng theo tác giả, đó là văn nghệ Tiến Bộ.

Tác giả đã vô tình quên lửng các giới thợ thuyền, Thanh Niên, Quân đội, thợ thuyền và Thanh Niên, Quân đội, là ba chủ lực nòng cốt của Dân tộc, và các giới khác, không phải không có những đóng góp trọng đại vào cuộc Xây dựng « Tiến Bộ » của dân tộc, các giới kỹ nghệ, Thương Mai, Giáo

dục, công chức, tư chức, phụ nữ, Tiểu Tư-sản (Buôn thúng bán mẹt, phu xe cyclo, tài xế taxi, thư ký, công nhân xí nghiệp v.v...)

Tác giả thống kê cách nào mà bảo rằng tất cả các thành phần đó chỉ chiếm có 10% nhân dân mà thôi? Văn Nghệ Dân tộc không cần phục vụ các cấp quảng đại quần chúng đó ư? Tôi đoán chắc rằng chính tác giả cũng không phải là nông dân, mà là tiểu tư sản,

— (hay là tư sản) vì trong nhà tác giả thế nào cũng có máy Radio, gia đình cũng ăn sướng, mặc sang, cũng có nếp sống trường giả tiểu tư sản (Petit bourgeois) phây phây như ông hàng xóm, cũng có con trai con gái học Đại học, trung học, hoặc làm ông này bà nọ v.v...

Đó là một trong những « thực tế xã hội » (réalités sociales) mà tác giả nhắc đi nhắc lại hai ba lần trong mấy chục trang sách mỏng của ông, mà riêng « thực-tế xã-hội » của ông, ông không nhắc tới.

Thực tế xã hội, là xã hội gồm đủ các giới người, mà giới nào cũng là thành phần Nhân dân,

chứ không phải riêng một « giai cấp ».

Đã nói *Dân tộc*, tức là *đừng nên nói đến giai cấp*. Vì Dân tộc bao hàm ý nghĩa toàn thể Quốc gia chủng tộc, chứ không phải riêng một giai cấp nghèo, hay giàu, nông dân, hay công nhân, trí thức hay không trí thức. Dân tộc Việt Nam là 30 triệu người Việt Nam, cùng nói tiếng Việt Nam; cùng một nguồn gốc Lịch sử Việt Nam, cùng một Tổ Quốc Việt Nam.

Dân tộc Việt Nam khác hẳn các dân tộc Trung Hoa, Nga Xô, hay Mỹ, Pháp, Nhật, Congo, Guinée v.v... Vì dân tộc Việt Nam là con cháu của Tiên Rồng chứ không phải của Karl Marx, Lénine, hoặc của Nữ Thần Amaterasu, hay của Vercingétorix của Mao Trạch Đông, J'eanne d'Arc, hay Washington, Kennedy! Dân tộc Việt Nam gồm tất cả đồng bào các giới Nam phụ lão ấu, làm đủ các thứ nghề, có đủ mọi khuynh hướng chính trị, tôn giáo, triết học, xã hội.

Không thể có một biện chứng pháp nào phủ nhận thực tế lịch

sử và xã hội đó được. Phủ nhận thực tế đó, tức là phủ nhận Dân tộc.

Bởi cái quan điểm của tác giả về ý thức « Dân tộc » đã sai lầm, vì quá eo hẹp, quá thiên về một chiều hướng, cho nên quan điểm của tác giả về « đường lối văn nghệ Dân tộc » cũng mất hẳn tính cách khách quan khoa học (Objectivité scientifique), không xây dựng tiến bộ, chỉ còn lại tính cách chủ quan của ý thức hệ, (Subjectivité idéologique) xuyên tạc thực tế xã hội, và phản lại chính mục đích lý luận của tác giả.

Thà rằng tác giả đứng hẳn trên lập trường đấu tranh giai cấp, đề cao một giai cấp Nông dân « 90%o Dân tộc » (giai cấp thợ thuyền « Lao động thần thánh » bị tác giả bỏ rơi, tội nghiệp!) thì vấn đề « đường lối văn nghệ » biến chuyển sang một chiều hướng khác, khỏi phải bàn luận vô ích.

Nhưng ngay trong trường hợp đó tác giả hình như quên rằng Nông dân cũng có hai ba « giai cấp » : chủ điền, tá điền, người có 100 mẫu ruộng, người có 1 mẫu, người có 1 sào. Thật sự

không có đồng đảo « bản cố nông » mà chỉ có đại điền chủ và tiểu điền chủ, đại địa chủ và tiểu địa chủ mà thôi.

Tôi không hiểu tác giả muốn hướng dẫn Văn nghệ Dân tộc phụng sự giới Nông Dân nào ?

Đó là nói cho rõ ràng vấn đề thế thôi, chứ đọc hết quyển sách tôi thấy tác giả đi xa « thực tế xã hội » hàng 1000 kí-lô-mét. Và biện chứng pháp của tác giả đầy rẫy những mâu thuẫn quá rõ rệt, rất đáng tiếc.



Tác giả lại công kích các lời thơ « có vần điệu, có số chữ nhất định » v.v... và bảo rằng « *Thi ca Dân Tộc* » phải bỏ hết các luật lệ, không cần vần điệu, hoàn toàn phóng túng như văn xuôi. Nếu tác giả là nhà thơ thì tôi chưa được đọc tập thơ nào của ông viết ra đề chứng minh văn tài của ông theo quan điểm trên. Nếu ông không phải là nhà thơ và không làm thơ bao giờ, thì khỏi phê bình.

Sau cùng, tác giả đề gần nửa quyền sách nói về Françoise Sagan, và phân tách các nhân vật tiểu thuyết của Sagan. Tôi không góp ý kiến vào đường lối

phê bình của ông, vì Françoise Sagan chỉ là một trong hàng trăm tiểu thuyết gia trẻ tuổi của hậu chiến mà những cốt truyện lãng mạn táo bạo còn kém xa Simone de Beauvoir và các tác giả khác của « đợt sóng mới » ở Pháp, Anh, Mỹ, Đức, nhất là ở Thủy Điền, Đan Mạch, và Ý. Hình như tác giả chỉ đọc một vài tiểu thuyết của Sagan, chứ chưa hề đọc các nhà văn khác (Nam và Nữ) của thế hệ « Existentialiste » Âu Mỹ. Cho nên lập luận của tác giả rất còn non nớt và hơi hợt, thô sơ, kém căn bản văn hoá quốc tế hiện đại.

Có điều nên nói, là tác giả công kích « *âm mưu thâm độc của đế quốc thực dân và những tay sai phản dân tộc* », gởi các tiểu thuyết của Sagan qua bán ở miền Nam Việt Nam để « *ru ngủ thanh niên trong các thành thị, kiệt quệ tinh thần tranh đấu v. v...* »

Những câu ngờ ngẩn như thế tiết lộ cho chúng ta thấy rõ ràng cái óc đảng phái hẹp hòi và ngoan cố (esprit sectaire) của tác giả chỉ nhìn mọi sự vật ở một khía cạnh mà thôi. Sách của Sagan gởi qua V.N. cũng



như muôn ngàn loại sách báo đủ loại, kể cả các sách dịch của Nga Xô, — đều chỉ là công việc thương mại thường lệ giữa các nhà xuất bản ngoại quốc và các tiệm sách khắp cả thế giới, Nhật, Mỹ, Nga, Tiệp Khắc, Ba Lan, Anh, Pháp, Ấn Độ, Gia nã Đại, v.v... chứ riêng gì ở Việt Nam? Đâu phải những sách báo Pháp tồi bại bán ở Sài Gòn này là do *Thực dân đế quốc Pháp* gửi quà cho Việt Nam, « nhằm ru ngủ thanh niên thành thị V.N. » v.v...? Vậy thì các báo sách lành mạnh, khoa học, cách mạng, Lịch sử, chiến tranh, nghiên cứu văn hóa, giáo dục, các sách giáo khoa Trung Học, Đại học... chắc không phải do *bọn thực dân đế quốc* gửi qua mà do các nước « xã hội chủ nghĩa » gửi qua? Do « nhân dân Pháp », « lực lượng xã hội Pháp », các phong trào « tiến bộ » Pháp gửi qua? Tác giả đã kích luôn những người dịch các sách đó, và cho rằng đó là những đầu óc thoái hóa « tay sai của thực dân Đế quốc Pháp. »

Tiêu thuyết của Sagan, như quyền *Bonjour Tristesse* được

dịch ra 33 thứ tiếng trong thế giới, kể cả tiếng Nga và tiếng Ba-Lan, tiếng Nhật, tiếng Ấn độ, tiếng Anh... thế thì cả Nhật bản, Ấn độ, Nga Xô, BaLan, Anh, Mỹ v.v... cũng đều bị « đế quốc thực dân Pháp » đầu độc? Và các nhà văn ngoại quốc kia dịch các sách của Sagan cũng đều là « đầu óc thoái hóa », và đều là « tay sai của thực dân đế quốc Pháp »? Ha! Ha!

Chữ trương phản văn-nghệ của tác giả quyền « *Đường lối văn nghệ dân tộc* » là một loại « văn nghệ chỉ huy », « văn nghệ một chiều » đã lỗi thời, theo đó toàn thể các bộ môn văn chương nghệ thuật Việt Nam đều phải nhất luật « phục vụ giai cấp Nông dân », đề cao Nông dân, 90% của Dân tộc. Ngoài ra, tất cả các loại văn nghệ khác, không theo chiều hướng đó, đều bị chụp mũ là « phản động », « phản dân tộc », « phản tiến bộ », « phản khoa học », văn nghệ thoái hóa, mục nát, làm « *tay sai cho thực dân đế quốc* » hết ráo!!

Đây là « đường lối văn nghệ

*dân tộc* » quái gở của tác giả Thanh Ngôn, một cái tên hoàn toàn mới lạ, một người từ trước đến giờ chưa hề làm văn nghệ bao giờ.

Hay là chính tác giả là « tay sai của thực dân đế quốc » cũng nên! Thực dân đế quốc nào? Họ viết tập sách này ra với mục đích gì đây?

Bạn trẻ nên coi chừng hạng văn-nghệ giả mạo đó. Họ lợi dụng tình hình bê bối của Văn nghệ miền Nam hiện nay, đề tuyên truyền các tư tưởng lệch lạc, lợi dụng cả danh từ « Dân tộc » để đầu độc thanh niên, gây chia rẽ giai cấp trong nội bộ Dân tộc, phản bội Tổ quốc và Nhân dân. Họ còn nguy hiểm hơn loại văn nghệ « Đột Sóng Mới » hay các loại văn nghệ bê-bối khác.

Tuy nhiên, tôi hoàn toàn đồng ý với tác giả trên một điểm duy nhất rất quan trọng: là tích cực kết án văn nghệ truy lạc, thoái hóa. Trong lúc dân tộc Việt Nam cần được xây dựng trên một nền tảng tiến bộ, cả về vật chất lẫn tinh thần,

tiến bộ theo quan điểm chống lãng mạn hạ cấp, chống tư tưởng thoái hóa, chống độc tài Cộng sản, chống độc tài phong kiến, tư bản, và tất cả các loại độc tài bè đảng, xôi thịt, — trong lúc toàn dân Việt Nam đang đau khổ vì chiến tranh, tang tóc trong máu lửa, đang bị các loại xâm lăng đe dọa trầm trọng, thì những kẻ chủ trương và phở biến văn nghệ dâm ô, thoái nát, văn nghệ lãng mạn suy đồi, văn nghệ đầu độc thanh thiếu niên, văn nghệ giết chết tinh thần quật khởi của Dân tộc, đều đáng kết án rất nặng nề. Các loại văn nghệ bỉ đĩ đó là những tội ác đối với Lịch sử, với Dân tộc. Chúng ta biết rằng loại văn nghệ dơ bẩn là sản phẩm của thời loạn, của chiến tranh, sinh nở trong đồng rác hôi thúi của văn minh vật chất Âu Mỹ đầy ngập các thị trường. Phải có một cách mạng toàn diện, về chính trị, xã hội, kinh tế, văn hóa, đặt ra mục tiêu văn hóa cứu quốc, thì mới tiêu diệt được văn nghệ loạn cuồng, bệnh hoạn, đầy đặc vi trùng nhiễm độc.

Đồng thời, các loại văn nghệ

nhồi sọ, văn nghệ xuyên tạc chân lý, văn nghệ nô bộc, cũng có tội với Tổ Quốc và Nhân dân không kém, và cũng phải quét sạch đi.

Chỉ có một văn nghệ thích ứng với tinh thần dân tộc hiện nay và mãi mãi, là văn nghệ *Thuần túy, Tự-do và Lãnh-mạnh, Văn nghệ Xây-dựng Tiền Bộ, Hùng Cường cho Nòi giống Tiên Rồng*, để cho Dân tộc Việt Nam có đủ sức

quật khởi, vùng lên oanh liệt, trong Thế giới Tự Do.

Ngoài ra, *Văn nghệ thuần túy Dân tộc* nhất định theo truyền thống *Bất khuất* của 4000 năm Lịch sử Nhân dân, không chịu làm một thứ văn nghệ nô bộc, văn nghệ bồi bút cho một chủ nghĩa đế quốc nào, bất cứ Cộng sản hay Tư bản, hay cho một bè lũ thực dân, phong kiến nào cả.



## R A V I

6-A Lê quý Đôn Saigon

(giữa Trần quý Cáp — Phan đình Phùng)

### Hiệu Lâm Tóc

Chuyên môn ✱ Uốn, Chải, bới theo các mốt Parés

✱ Cắt theo báo Paris mới sang

✱ Nhuộm màu theo phương pháp ORÉAL Paris.

Cô Simone, trường Chánh phủ Pháp Paris, hành, nghề sáu năm tại Paris, kính mời — Giá cả vừa phải cho đồng bào.

## Cung oán ngâm khúc

của ÔN NHƯ HẦU

- 157.— Trên chín bề mặt trời gang tấc,  
 Chữ xuân riêng sớm chực từa châu.  
 Phải duyên hương-lửa cùng nhau,  
 Xe đê lợ rắc lá dâu mới vào.
- 161.— Khi áp mạn ôm đảo gác nguyệt,  
 Lúc trời sương cột tuyết đền phong.  
 Đốt lò ngon mắt tầu-trùng,  
 Tuy máy diêm nhạt nhưng lòng cũng xiêu.
- 209.— Trong cung quế âm thầm chiếc bóng,  
 Đêm năm canh trông ngóng lần-lần.  
 Khoảnh làm chi bấy chúa xuân.  
 Chơi hoa cho rửa nhệ dần lại thôi!



213.— Lầu đài-nguyệt đứng ngời dạ-vũ,  
Gác thira-lương thức ngủ thu-phong,  
Phòng tiêu lạnh ngắt như đồng,  
Gương loan bể nửa, dải đồng xẻ đôi.

217.— Chiều ủ-dột giấc mai trưa sớm,  
Vẻ bàng-khuâng hồn bướm vờn-vờ.  
Thâm-khué vắng ngắt như tờ,  
Cửa châu gió lọt, rèm ngà sương treo.

221.— Ngấn phượng-liễn chòm rêu lỗ-trỗ,  
Dấu dương-xa đám cỏ quanh-co.  
Lầu Tàn chiều lạt vẻ thu,  
Gối loan tuyết đóng, chấn cù giá đóng.

## Das Klagelied der Odallske

(CUNG OÁN NGÂM KHỨC)

dịch ra Đứơc ngữ

★ HUBERT HOHL

157.— Oben, auf der neunten Stufe,  
war ich  
ganz nahe beim Koenig,  
dem ich morgens und abends  
allein dienen durfte.

Ich brauchte  
die Ziegenboecke, die den koeniglichen Wagen  
zogen,

nicht anzulocken mit hingestreuten  
Bluettern vom Maulbeerbaum,  
denn wir waren  
durch die ernsthafte Ehe  
gut vereint.

161.— Unser naechtlisches Beisammensein  
auf der Empore  
rief bei den Pflaumenbaeumen  
weise Umarmungen,  
und verliebte Verschlingungen  
der Pfirsichbaeume hervor.  
Unser zartes Nocken  
im Palast der Platanen  
erfreute den Tau  
und erheiterte den Schnee.

Ich war fuer ihn  
die Birnenbluete, die Freude seiner Augen.  
Selbst meinen vernachlaessigten Wimpern  
widerstand der Koenig nicht.

209.— Schweigend,  
allein in meinem Zimmer  
mit dem Zimtbaum  
warte ich  
waehrend der fuef Nachtwachen,  
Stunde um Stunde.

Oh, Herr des Fruehlings,  
du bist grausam.  
Du wirfst die Blume zur Seite  
nachdem du  
sie hast verwelken lassen.

213.— Ich erhebe mich.  
und setze mich wieder  
in der regnerischen Nacht.

Auf der Balustrade,  
wo wir zusammen  
die Kuehle kosteten,  
stehe ich und daemmere  
im Herbstwind dahin.

Der Spiegel des Phoenix  
ist in zwei Stuecke zerbrochen,  
zerschaitten  
ist auch die Schnur der Einheit.

217.— Ich daemmere verzweifelt  
waehrend des langen Tages dahin,  
die Seele ungewiss,  
wie ein Nachtfalter,  
der sich verirrt.

In meinem stillen Zimmer  
herrscht tiefste Einsamkeit.  
Der Wind  
verfaengt sich im Perlenvorhang,  
und auf die Stores aus Elfenbein  
legt sich der Tau.

221.— Die Spuren,  
die der koenigliche Wagen  
mit den Phoenixen  
auf dem Weg eingedrueckt hatte,  
bedecken sich hier und da  
schon mit gruenlichem Moos.  
Schon sind die Eindruecke des Ziegenwagens  
in den Biegungen  
durch wachsendes Gras  
verdeckt

Die Abende sind schal  
wie im Palast der Tan.  
Auf das Phoenixkopfkissen  
legt sich der Schnee,  
die Decke mit Drachen  
gefriert  
unter dem Reif.



(3 MÀN)

# TRÚC MỘC

★ NGUYỄN-HỮU

## Nhân vật

- THANH** : Trung-úy Quân-đội Cộng-Hòa (ở màn I) và Thiếu Tá (ở màn III).  
**NHẢ** : Vợ Thanh.  
**THUẬN** : Em ruột Thanh  
**HÒA** : Vợ Thuận  
**TUẤN** : Con Thanh (6 tháng ở màn I, 6 tuổi ở màn III)  
**Bà Cả Thọ** : Mẹ Thanh, Thuận  
**NHIÊU** : Người giúp việc nhà Thanh  
**NGỌC** : Em gái Thanh

## KỊCH 3 MÀN, 2 CẢNH

- BÀI TRÍ** : Màn I và màn II, vì Thanh là một sĩ quan nên cách trang hoàng nhà cửa có vẻ lịch sự và hợp thời.  
Màn III, cảnh nhà cũ, 6 năm sau, nên trang hoàng có phần tân thời hơn.  
**BÍ CHÚ** : Tùy sáng kiến của người bài trí.

(Kịch xảy ra vào mùa Thu năm 1955, tại một thành phố miền Trung, trước ngày vĩ tuyến 17 khép kín).

## TRÚC MỘC

MÀN I

(Kịch xảy ra tại phòng khách nhà Thanh vào 1 buổi sáng, cuối Hè 1955, trước ngày vĩ tuyến 17 khép kín)

(THANH và NHIÊU)

**THANH** : (mặc Quân-phục, đang thất lại cả vạt để chuẩn bị đi công tác)

**NHIÊU** : (ở ngoài mang Themos nước sôi đi vào, chế nước vào ấm trà, lấm lét nhìn trộm Thanh).  
**THANH** : (Vừa nhìn vào kính sửa lại cà vạt, vừa thấy bộ điệu lấm lét của Nhiêu nhìn mình nên nói) : Anh Nhiêu, có chuyện gì cần nói với tôi hả ?

**NHIÊU** : (giật mình) : Dạ, dạ không ạ.

**THANH** : (Quay lại nhìn Nhiêu cười) Không hả, có thật thế không ?

**NHIÊU** : (Cười nịnh) — Dạ, mỗi lần cháu có ý định thưa với cậu một vấn đề gì, thì y như là cậu đã biết trước, làm cháu ngỡ ngàng quá.

**THANH** : Anh mà cũng biết ngỡ ngàng nữa à, tội nghiệp nhỉ ?

**NHIÊU** : Thưa cậu, ở đời phạm ai biết ngỡ ngàng thì kẻ đó là

người hoàn toàn có đủ đức tính tốt. Chẳng hạn... Chẳng hạn như...

**THANH** : Chẳng hạn như anh chứ gì ? (cười)

**NHIÊU** : (Tỏ vẻ thích và ngượng) — Dạ.

**THANH** : (đến bên Nhiêu cười, vỗ vào vai Nhiêu) — Được, cho anh là người có đầy đủ đức tính tốt, như anh vừa nói; vậy anh định nói chuyện gì với tôi nào, (vừa nói vừa ngồi vào salon rót nước uống)

**NHIÊU** : Thưa cậu, cậu cho phép ?

**THANH** : Tôi chẳng những cho phép anh vì biết anh cần nói mà còn xin phép anh cho tôi biết anh đang cần muốn nói chuyện gì với tôi.

**NHIÊU** : Nhưng thưa cậu đừng giận cháu và thứ lỗi cho cháu. Có vậy cháu mới dám thưa ạ.

**THANH** : (cười) Nhiêu, đôi khi tôi tự nhận anh là một người đại thông minh, nhưng đôi khi tôi lại tự thấy anh quá ư ngờ ngẩn, chẳng hạn như bây giờ thì anh thuộc vào hạng vừa ngờ ngẩn vừa quá khôn ngoan. Vì buộc người ta tha lỗi cho mình trước

khi người đó biết cái lỗi của mình — Nhưng, cũng được — Tôi hứa sẽ tha lỗi của anh đã xin.

NHIỀU : Thưa cậu, số là chiều hôm qua, mợ sai cháu đem mấy trăm hạt sen và mấy gói trà « Thiết quan âm » qua biểu Bà. Ban đầu, thì cũng như mấy lần trước, là Bà không chịu nhận, nhưng với cái tài tháo vát của cháu làm bà vui và dĩ nhiên cuối cùng Bà cũng nhận, nhưng vẫn dặn cháu rằng : « Về bảo với cậu mợ mày qua đem về mà dùng, chứ tao là đồ vô đạo, quê mùa, dốt nát, đâu biết ăn dùng những thứ quý đó ».

THANH : Mẹ tôi, anh còn lạ gì nữa. Từ ngày chúng tôi lấy nhau, vì thành kiến nên mới có thái độ ghét bỏ vợ chồng tôi như vậy. Chắc anh cũng nhận thấy rằng : mặc dầu mẹ tôi luôn luôn kiểm chuyện để la mắng nhà tôi, nhưng chúng tôi thì luôn luôn chiều chuộng, chịu đựng.

NHIỀU : Chính cái điểm cốt yếu và chắc chắn mà cháu đã nhận định đúng như cậu và cũng vì vậy nên hỏi, nãy cháu thưa cậu rằng phạm người nào

hay ngược là người đó còn đầy đủ tính tốt.

THANH : À, thì ra hỏi nãy anh có ý nói về nhà tôi ?

NHIỀU : Vâng ạ. Cháu muốn nói rằng : « Mợ là người vừa đảm đang, vừa đức độ nhưng hay có tính ngược ».

THANH : Tôi mến nhà tôi vì những đức tính ấy.

NHIỀU : Thưa cậu, nhưng cậu đang đi lạc đề.

THANH : À, — phải, tôi đi ra ngoài vấn đề ? Ý anh định bảo là...

NHIỀU : Cháu định thưa cậu rằng : « Sau khi cháu chào Bà để về, thì bà gọi cháu lại và bảo cháu phải tạt qua nhà cậu Thuận. »

THANH : Chắc mẹ tôi sai anh nhắn cậu ấy có việc gì ?

NHIỀU : Dạ, đúng như vậy ạ, Bà dặn cháu tạt qua nhà cậu Thuận, thưa với cậu, mợ ấy rằng độ 8 giờ tối đến Bà gọi.

THANH : Thế anh có nhớ ghé tin cho chú, thím ấy biết chưa ?

NHIỀU : Dạ, cháu ghé ngay, tin cho cậu mợ ấy biết ngay sau khi ở nhà bà về.

THANH : Nhưng anh có gặp chúng nó không chứ ?

NHIỀU : Dạ có ạ, cháu ghé vào nhà trong lúc mợ Thuận đang ngồi đánh bài với mấy người khách ở phòng ngủ như thường lệ, còn cậu Thuận thì đang nhậu nhẹt và đùa cợt với mấy cô cậu nào, xem cũng có vẻ ăn chơi đài các lắm.

THANH : Thì anh còn lạ gì tình nết chú thím ấy nữa.

NHIỀU : Ấy thế mà bà yêu mến cậu mợ Thuận rất mực, một chút hai chút cũng cậu mợ Thuận.

THANH : Anh Nhiều, tôi cũng yêu chúng nó lắm, anh không buồn chứ ?

NHIỀU : Dạ, thương yêu người ta như mình vậy, thì sao cháu lại buồn ạ.

THANH : À — Nhưng anh có hiểu mẹ tôi định nói gì với chúng nó không ?

NHIỀU : Dạ, không ạ, nhưng xem bà cũng không được vui, và bà cũng sai cháu về gọi cả cậu nữa ạ.

THANH : (Hơi lo ngại, ngồi thẳng người dậy) mẹ tôi cho gọi cả vợ chồng chúng tôi nữa à ?

NHIỀU : Dạ không.

THANH : Thì anh vừa bảo tôi đấy là gì ?

NHIỀU : Dạ, cháu vừa thưa là Bà chỉ gọi mỗi mình cậu và cậu mợ Thuận thôi ạ. Chứ không gọi mợ ở nhà.

THANH : A, thế thì có lẽ vì mẹ tôi biết nhà tôi bận con dại, nên chỉ gọi một mình tôi.

NHIỀU : Nhưng theo cháu thì lại nghĩ khác.

THANH : Anh nghĩ thế nào ?

NHIỀU : Cháu nghĩ rằng lần này cũng như bao nhiêu lần trước, mỗi khi bà cần bàn việc gì về gia đình thì đều chỉ gọi một mình cậu và vợ chồng cậu Thuận thôi. Như vậy là Bà không xem mợ ở nhà là dâu con của bà.

THANH : (ngắt lời) Thôi, chuyện ấy bỏ. Thế tại sao chiều hôm qua, anh không bảo ngay cho tôi biết là mẹ tôi cho gọi tôi. Đến mãi bây giờ, tôi sắp đi công tác xa, anh mới nói, thì chúng tôi sống sao nổi với mẹ tôi.

(còn nữa)



PHỔ-THÔNG SỐ TÔI SẼ ĐĂNG :

# THU-HIỀN

Một truyện dài tình cảm lành mạnh,  
xây-dựng, và hấp-dẫn của

## PHAN - THI THU-MAI

PHAN-THI THU-MAI,

TÁC-GIẢ TRUYỆN NGẮN «NÀNG CÔNG CHÚA BƯỚM»,  
ĐĂNG TRONG P.T. SỐ 192, LÀ MỘT VĂN TÀI TRỂ  
MỚI NÀY NỞ TRONG VƯỜN HOA VĂN-NGHỆ DÂN-TỘC

Bạn sẽ đọc :

THU-HIỀN

từ Phổ-Thông số 195 ra ngày 15-7-67

# NGUỒN VUI — SỨC KHỎE

của mọi người và  
trong mọi gia - đình



NƯỚC NGỌT CON CỌP Ở ĐÁU  
ĐÂY LÀ KHỎE MẠNH, SỐNG LÂU YÊU ĐỜI



K.N số 250 ngày 20-6-63

## Nhà hàng ĐẠI - LA - THIÊN

Điện-thoại số 26.893

31-33 Đường Lãn-Ông CHOLON

- Đặt biệt các món ăn Tiều
- \* Sạch sẽ vệ sinh và ngon miệng
- Bếp khéo, bồi giỏi và lễ phép
- \* Có máy điều hòa không khí

Ở lầu 3 lộ-thiên có không-khí thiên-nhiên  
trong một khung cảnh huy hoàng diễm ảo

Kiểm-duyet số 1219/BTT — ngày 29-6-1967

Giấy phép số 292 CDV/TT/ND ngày 9-10-1961

Quản-nhiệm : **NGUYỄN-VỸ**

**THƯ LÂM ẨM THƯ QUÁN**  
231, Phạm - Ngũ - Lão - SAIGON  
Đ. T. : 25.861

GIÁ : 20 đồng  
Công sở : 25 đồng